

ABS >>
CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

VƯỢT QUA THỬ THÁCH

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021**

Nội dung

Báo cáo thường niên 2021

01

GIỚI THIỆU CHUNG

- 5 Thông tin doanh nghiệp
- 5 Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- 6 Lịch sử phát triển
- 8 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 12 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 13 Định hướng phát triển
- 14 Các rủi ro

04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- 35 Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty
- 35 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty
- 36 Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 19 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 20 Tổ chức và nhân sự
- 23 Tình hình tài chính
- 24 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 26 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

05

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 38 Hội đồng quản trị
- 39 Ban kiểm soát
- 39 Các giao dịch, thù lao và lợi ích của HĐQT và BKS

03

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- 29 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 29 Tình hình tài chính
- 30 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 31 Kế hoạch phát triển tương lai

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

PHẦN 01 GIỚI THIỆU CHUNG

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tên giao dịch	Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình
Giấy phép thành lập và hoạt động	16/UBCK-GPHĐKD do UBCKNN cấp ngày 29/09/2006
Mã thành viên	018
Vốn điều lệ	1.000,4 tỷ đồng
Địa chỉ	Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại	024 3562 4626
Fax	024 3562 4628
Website	www.abs.vn



TẦM NHÌN

Chúng tôi xây dựng ABS trở thành công ty bán lẻ hàng đầu tại thị trường Việt Nam trong lĩnh vực sản phẩm, dịch vụ tài chính chứng khoán

Chất lượng dịch vụ hoàn hảo

Sản phẩm đa dạng và chuyên biệt

Phong cách phục vụ chuyên nghiệp

Độ tin cậy cao với một nền tảng tài chính vững chắc



SỨ MỆNH

Xây dựng mô hình quản trị tiên tiến và hiệu quả, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, gia tăng giá trị cho cổ đông và đối tác

Chuyên nghiệp hóa đội ngũ nhân sự và cơ cấu tổ chức hoạt động, xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, khuyến khích sự nỗ lực phấn đấu, đóng góp và gắn bó lâu dài với công ty

Đa dạng hóa các sản phẩm dịch vụ tài chính chứng khoán với chất lượng cao và khác biệt

Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống giao dịch hiện đại, tiên tiến đáp ứng hoàn hảo nhu cầu giao dịch của khách hàng, tổ chức và xây dựng các mạng lưới chi nhánh, đảm bảo an toàn kinh doanh

"Kết Nối" giữa doanh nghiệp cần vốn và nhà đầu tư, giữa người cần mua và người cần bán, giữa các nhà đầu tư, giữa thị trường chứng khoán trong nước và nước ngoài để cùng nhau đi tới "Thành Công"



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Tôn trọng văn hóa cá tính, tôn trọng công việc, nhiệm vụ của từng cá nhân

Động viên, khuyến khích nỗ lực của đồng nghiệp

Góp ý thẳng thắn, chân thành hướng vào công việc

Thông cảm, lắng nghe, ghi nhận các nỗ lực

Chấp nhận và học hỏi từ thất bại để thay đổi

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

2006

ABS chính thức được thành lập, vốn điều lệ 50 tỷ đồng. Địa chỉ trụ sở chính: 101 Láng Hạ, Đống Đa, TP. Hà Nội

Thành viên Sở GD&ĐT TP. HCM và Hà Nội

2007

Tăng vốn điều lệ lên 330 tỷ đồng.

Thành lập chi nhánh Hải Phòng tại số 07 Trần Hưng Đạo, Hồng Bàng, Hải Phòng

2008

Tăng vốn điều lệ lần 2 lên 397 tỷ đồng.

Top 10 Công ty Chứng khoán có quy mô vốn hoạt động lớn nhất.

Thành lập chi nhánh Hồ Chí Minh tại số 118 Nguyễn Cư Trinh, P. Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

2009

Thành lập chi nhánh Vũng Tàu tại số 21 Lê Lợi, P. 4, TP. Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Thành lập chi nhánh Thái Bình tại số 399 Lê Quý Đôn, P. Lê Hồng Phòng, TP. Thái Bình.

Cúp vàng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2009.

2011

Chuyển địa điểm chi nhánh Hải Phòng đến số 09 Trần Hưng Đạo, P. Hoàng Văn Thụ, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

2013

Thành lập chi nhánh Huế số 41-43 Bến Nghé, P. Phú Hội, TP Huế.

Nằm trong danh sách 10 công ty chứng khoán có thị phần lớn nhất sàn HSX và HNX.

Đạt Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam do Cục Sở hữu Trí tuệ Việt Nam bình chọn

2014

Chuyển địa điểm chi nhánh Đà Nẵng số 17 Đặng Tử Kính, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam năm 2014.

Doanh nhân Văn hóa - Doanh nghiệp mạnh phát triển bền vững năm 2014.

2018

Chuyển Trụ sở chính đến Tòa nhà Geleximco, số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Nằm trong Top 30 công ty chứng khoán có thị phần môi giới lớn nhất sàn HSX và HNX.

2019

Chuyển địa điểm chi nhánh Đà Nẵng đến Tầng 08, Tòa nhà số 255 Lê Duẩn, Phường Tân Chính, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

2020

Top 50 Thương hiệu mạnh ASEAN năm 2020.

Kết quả kinh doanh đạt 183% so với kế hoạch. Tổng tài sản: 860 tỷ đồng

Nằm trong Top công ty chứng khoán có thị phần môi giới trái phiếu Chính phủ Quý 1/2020

2021

Tăng vốn điều lệ lên hơn 1000 tỷ đồng.

Đứng thứ 6 trong Top 10 đơn vị tư vấn trái phiếu trong 9 tháng đầu năm 2021.

Top 10 Thương hiệu mạnh hàng đầu Việt Nam năm 2021.

Top 50 Nhãn hiệu nổi tiếng Việt Nam 2021

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

ABS là nhà cung cấp dịch vụ môi giới chứng khoán uy tín, tin cậy của hàng vạn khách hàng bằng công nghệ vượt trội và đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp. Dịch vụ môi giới chứng khoán điển hình của ABS phải kể đến là mở tài khoản cho cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài. Bên cạnh đó, các kênh giao dịch đa dạng được ABS cung cấp như giao dịch trực tiếp tại sàn; đặt lệnh thông qua đội ngũ môi giới; thông qua hệ thống tổng đài có ghi âm; thông qua giao dịch trực tuyến ABS - Mobile, qua web <https://itrade.abs.vn>, Home-trading giúp nhà đầu tư đặt lệnh giao dịch nhanh chóng, thuận tiện. Các nghiệp vụ môi giới mua bán chứng khoán đa dạng được ABS cung cấp như thỏa thuận, lô chẵn, lô lẻ đối với cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết.

ABS cũng là nhà cung cấp các dịch vụ đấu giá dưới nhiều hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại ABS, tại doanh nghiệp; đại lý đấu giá của Sở GDCK...). Các dịch vụ tiện ích như đặt lệnh mua bán chứng khoán; mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, chuyển tiền từ tài khoản chứng khoán đến tài khoản ngân hàng và ngược lại; chuyển tiền giữa các tài khoản chứng khoán; đăng ký bán cổ phiếu lô lẻ; đăng ký quyền mua cổ phiếu; quản lý tài khoản thường và tài khoản ký

quỹ; chuyển tiền và chứng khoán giữa 2 loại tài khoản này; cung cấp thông tin bảng giá, giá chứng khoán, lịch đấu giá và các dịch vụ khác theo nhu cầu của khách hàng và trong phạm vi hoạt động của ABS.

LƯU KÝ CHỨNG KHOÁN

Lưu ký và quản lý chứng khoán là dịch vụ không thể thiếu đối với công ty chứng khoán có dịch vụ môi giới chứng khoán. Do đó, ABS cung cấp đa dạng các dịch vụ lưu ký cho khách hàng bao gồm nhưng không giới hạn ở việc gửi, rút chứng khoán; lưu ký và tái lưu ký chứng khoán; thực hiện quyền; chuyển khoản, tất toán chứng khoán; biểu, tặng, cho, thừa kế, chuyển quyền sở hữu chứng khoán; phong tỏa và giải tỏa chứng khoán.

ABS cũng là nhà cung cấp dịch vụ quản lý chứng khoán chuyên nghiệp cho rất nhiều Tổ chức phát hành góp phần tiết kiệm chi phí và thời gian cho doanh nghiệp, tăng tính thanh khoản của chứng khoán quản lý bằng các dịch vụ điển hình như theo dõi và quản lý chuyển nhượng; thực hiện quyền cho cổ đông, trái chủ; báo cáo việc quản lý chứng khoán, chuyển nhượng chứng khoán và người sở hữu chứng khoán...

TỰ DOANH CHỨNG KHOÁN

ABS sử dụng linh hoạt nguồn vốn và hình thức đầu tư để thực hiện tự doanh chứng khoán vì mục tiêu lợi nhuận trên cơ sở tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định pháp luật và không làm xung đột lợi ích với khách hàng.

Danh mục đầu tư của ABS rất đa dạng như cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ... niêm yết và chưa niêm yết trong nhiều lĩnh vực, ngành nghề khác nhau, của nhiều doanh nghiệp quy mô khác nhau trên cơ sở có tiềm năng tăng trưởng, tài sản chất lượng tốt và có khả năng mang lại mức sinh lời cao cho ABS

TƯ VẤN ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Để hỗ trợ cho các hoạt động đầu tư của khách hàng, ABS cung cấp đa dạng các báo cáo phân tích (như báo cáo phân tích vĩ mô, báo cáo nhận định thị trường, báo cáo phân tích ngành, báo cáo phân tích doanh nghiệp, báo cáo phân tích chứng khoán, báo cáo khuyến nghị đầu tư...) và dịch vụ tư vấn đầu tư thông qua nhiều kênh khác nhau như các bản tin ngày, bản tin tuần, báo cáo tâm điểm, các báo cáo phân tích trên báo, đài, mạng Internet hay gửi trực tiếp cho nhà đầu tư, tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu cơ hội đầu tư, tổ chức đi thăm và tìm hiểu doanh nghiệp...

Để đáp ứng nhu cầu vốn cho mục đích đầu tư chứng khoán của khách hàng, ABS cung cấp đa dạng các dịch vụ tài chính như mua quyền nhận tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ, tư vấn đầu tư và quản lý tài sản đảm bảo cho bên thứ ba cung cấp dịch vụ tài chính cho khách hàng của ABS...

ABS đảm bảo cung cấp các dịch vụ tài chính với thủ tục và hồ sơ nhanh gọn, linh hoạt, phù hợp và đáp ứng với nhiều đối tượng khách hàng, mang đến sự hài lòng và tin tưởng cao nhất.

TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

ABS cung cấp đa dạng các dịch vụ tư vấn tài chính như tư vấn phát hành (riêng lẻ, ra công chúng), tư vấn niêm yết, tư vấn cổ phần hóa, tư vấn phát hành trái phiếu, tư vấn chuyển đổi hình thức doanh nghiệp, tư vấn thoái vốn và bán đấu giá cổ phần, tư vấn tái cấu trúc doanh nghiệp, tư vấn mua bán, sáp nhập, tư vấn khác (tổ chức ĐHCĐ, công bố thông tin, lập báo cáo thường niên, đăng ký công ty đại chúng, đăng ký giao dịch, quản lý cổ đông, huy động vốn...) bởi đội ngũ chuyên gia tư vấn chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm của ABS.

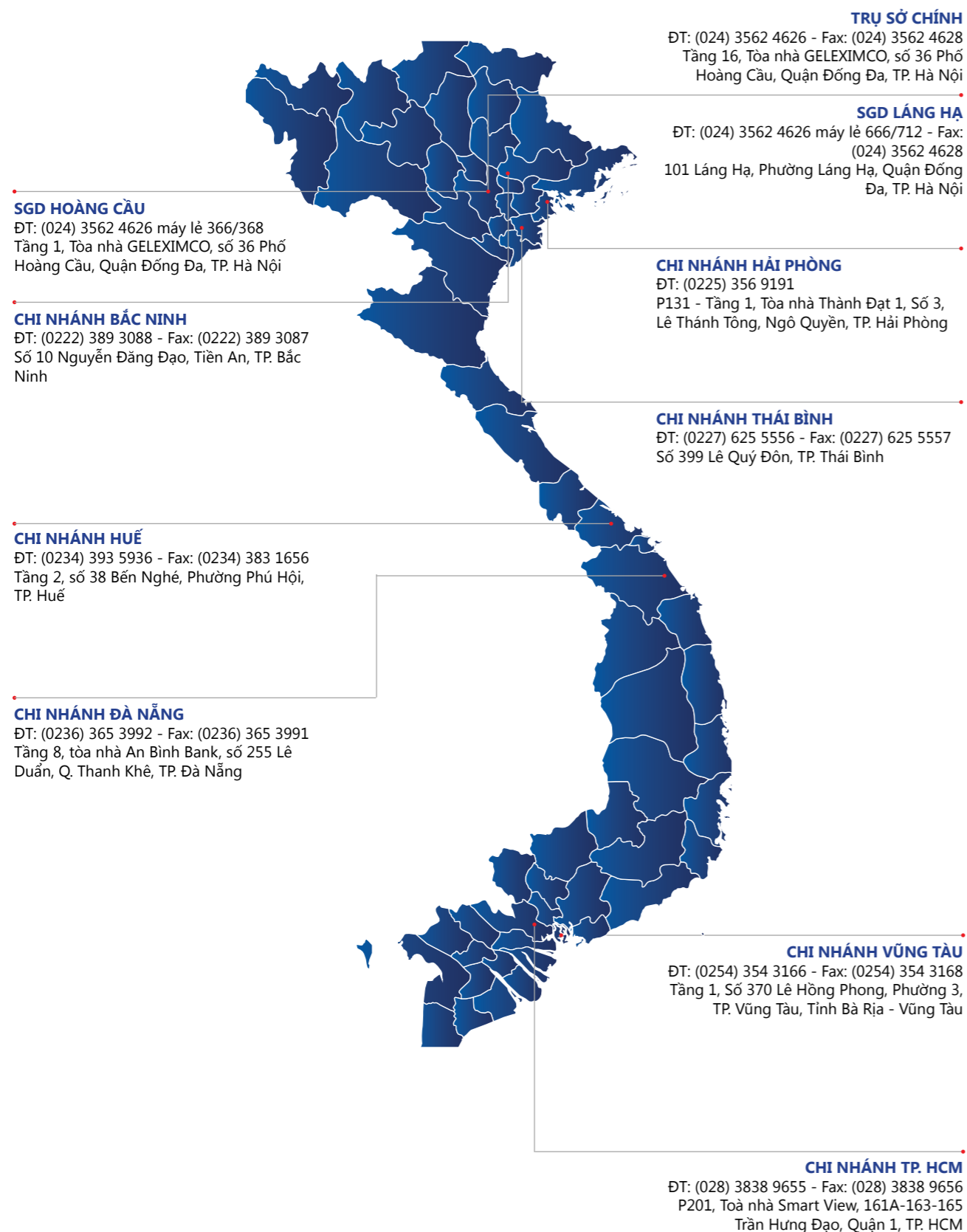
BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CHỨNG KHOÁN

Bảo lãnh phát hành là một dịch vụ quan trọng của ABS. Trong đó, ABS cung cấp dịch vụ bảo lãnh phát hành dưới nhiều hình thức khác nhau (như bảo lãnh với cam kết chắc chắn, bảo lãnh với cố gắng cao nhất...) cho nhiều loại chứng khoán khác nhau như cổ phiếu, trái phiếu... Ngoài ra, ABS cũng cung cấp dịch vụ tư vấn đấu giá dưới các hình thức khác nhau (như trực tiếp tổ chức đấu giá tại doanh nghiệp, tại ABS; đại lý đấu giá của Sở GDCK...)



MẠNG LƯỚI VÀ ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Tính đến cuối năm 2021, mạng lưới ABS gồm 10 điểm giao dịch (Chi nhánh/ Phòng Giao dịch) tại 8 thành phố lớn trực thuộc Trung ương, những tỉnh thành phố có tiềm năng phát triển kinh tế mạnh trên cả nước.



GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

 **CHỨNG NHẬN ISO:2000 NĂM 2008**

 **TOP 10 THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÁI PHIẾU NĂM 2009**

 **CUP VÀNG DOANH NGHIỆP HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN NĂM 2009**

 **THƯƠNG HIỆU CHỨNG KHOÁN UY TÍN NĂM 2010**

 **TOP 100 DOANH NHÂN PHOGN CÁCH NĂM 2011**

 **TOP 50 NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM NĂM 2014**

 **DOANH NHÂN VĂN HÓA DOANH NGHIỆP MẠNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG NĂM 2014**

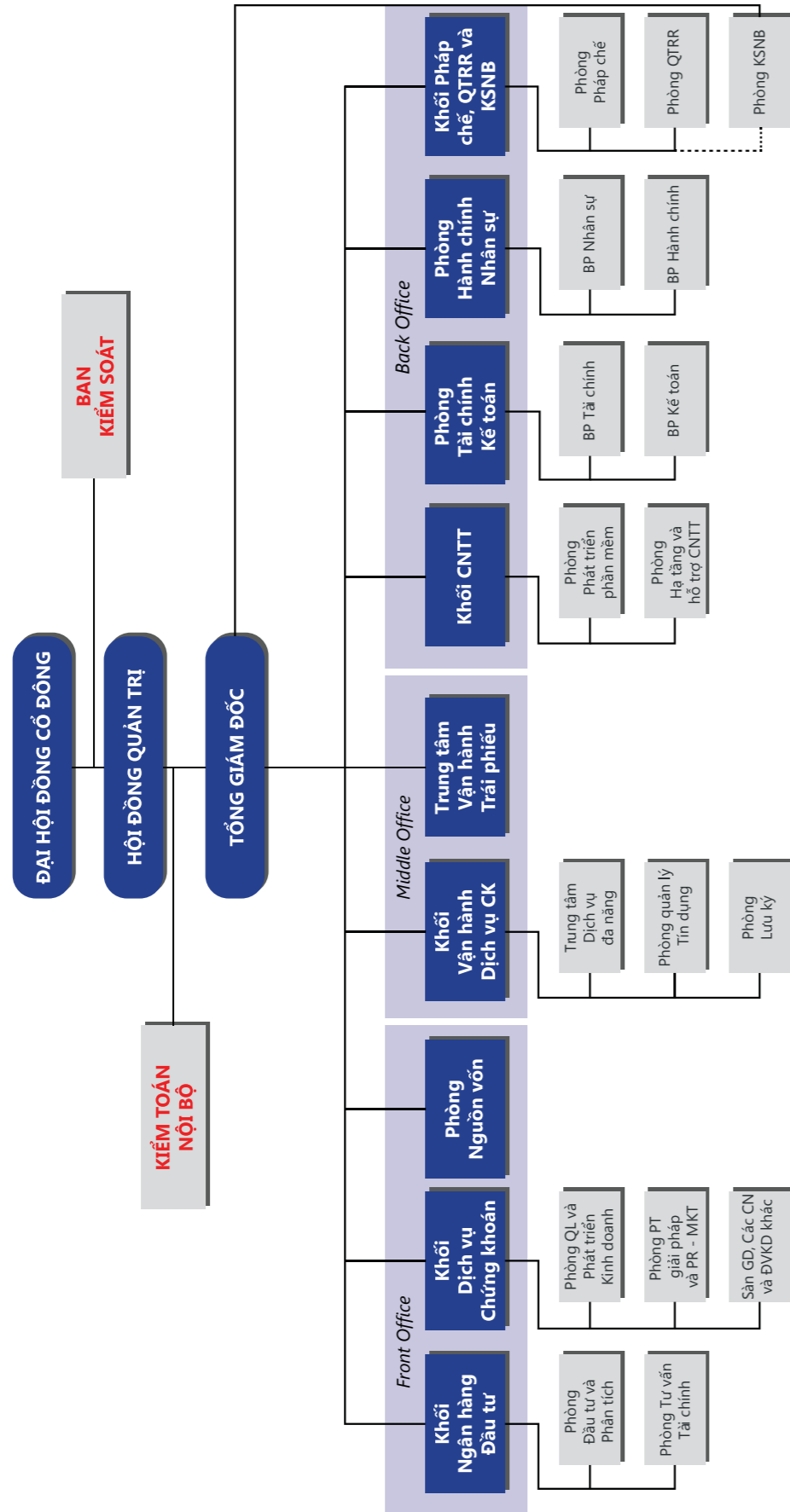
 **TOP 50 NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM NĂM 2017**

 **TOP 50 THƯƠNG HIỆU MẠNH ASEAN NĂM 2020**

 **TOP 10 THƯƠNG HIỆU MẠNH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM NĂM 2021**

 **TOP 50 NHÃN HIỆU NỔI TIẾNG VIỆT NAM NĂM 2021**

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

► ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CHUNG CỦA CÔNG TY

- Tập trung số hóa các nền tảng giao dịch cho khách hàng, xây dựng cơ sở dữ liệu và khai thác dữ liệu để phục vụ phân tích kinh doanh, vận hành và ra quyết định dựa trên dữ liệu kịp thời, đầy đủ.
- Sửa đổi sản phẩm, chính sách và liên tục sáng tạo các sản phẩm mới để cạnh tranh với đối thủ, thu hút khách hàng mới và gia tăng thị phần môi giới, cho vay margin, doanh số trái phiếu bán lẻ.
- Nâng cao năng lực nghiên cứu, phân tích doanh nghiệp theo hướng lấy khách hàng làm trọng tâm để có những sản phẩm phân tích đáp ứng nhu cầu của khách hàng đầu tư, hỗ trợ lực lượng môi giới tư vấn khách hàng và hỗ trợ trực tiếp khách hàng cũ, thu hút khách hàng mới.
- Mở rộng sản phẩm dịch vụ theo chiến lược quản lý gia sản bằng cách tích hợp với ngân hàng và các đối tác. Xây dựng các dịch vụ quản lý tài sản tư vấn đầu tư trên nền tảng số để tạo sự khác biệt và tạo doanh thu mới từ ngành quản lý tài sản trong các năm tiếp theo.
- Tiếp tục đẩy mạnh và phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư, trong đó chú trọng phát triển năng lực tư vấn cổ phiếu toàn diện đem lại giá trị cao cho khách hàng và thu phí cao thay vì dịch vụ giá trị thấp.
- Tiếp tục đẩy mạnh hoạt động tư vấn trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu, bán lẻ/bán lô các sản phẩm trái phiếu.



CÁC RỦI RO

► KINH TẾ THẾ GIỚI

Trong năm 2021, nền kinh tế thế giới dần thoát khỏi suy thoái với sự hồi phục nhanh hơn kỳ vọng. Khi các quốc gia bắt đầu mở cửa trở lại và thích ứng với trạng thái “bình thường mới”, nhu cầu tiêu dùng một lần nữa trở thành động lực cho tăng trưởng. Tăng trưởng toàn cầu đạt khoảng 5,4% trong năm 2021, là mức tăng trưởng ấn tượng so với mức giảm 3 – 5% trong năm 2020. Bên cạnh đó, trong năm 2021, lạm phát toàn cầu tăng phi mã, dẫn đến tình trạng hỗn loạn trong các chuỗi phân phối và thiếu hụt các sản phẩm thiết yếu cho thương mại quốc tế. Có tới 39 nền kinh tế ghi nhận tỷ lệ lạm phát tăng trong 2021, trong đó Mỹ và 18 nền kinh tế khác có chỉ số lạm phát tăng tới 2 điểm phần trăm.

Sự xuất hiện của đại dịch COVID-19 vẫn là nguyên nhân kìm hãm sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu. Mặc dù thế giới đã bước sang năm thứ 3 chống chọi với đại dịch, nhưng diễn biến phức tạp cùng tốc độ lây lan nhanh chóng của các biến thể mới vẫn đang đe dọa sự phục hồi của nền kinh tế thế giới trong thời gian tới. Tuy nhiên, ABS cho rằng, các quốc gia trên thế giới đều đã có những phương án để đối phó, thích ứng kịp thời trước những biến chủng mới, hướng tới việc miễn dịch cộng đồng, mở cửa nền kinh tế và tạo lực đẩy để nền kinh tế thế giới lấy lại đà tăng trưởng

Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) đưa ra dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2022 ở mức 4,9% trong khi con số dự báo của Oxford Economics là 4,5%. Những dự báo tích cực này được đưa ra trên cơ sở nền kinh tế toàn cầu đang trên đà phục hồi vào cuối năm 2021, sau khi tỷ lệ tiêm vaccine ở các nước tăng lên, các quốc gia chuyển sang phương án sống chung với Covid-19 và đảm bảo an toàn, giảm thiểu tối đa rủi ro. Bên cạnh đó, các quốc gia trên thế giới tiếp tục triển khai các gói kích thích tăng trưởng, các chuỗi cung ứng cũng phục hồi dần.

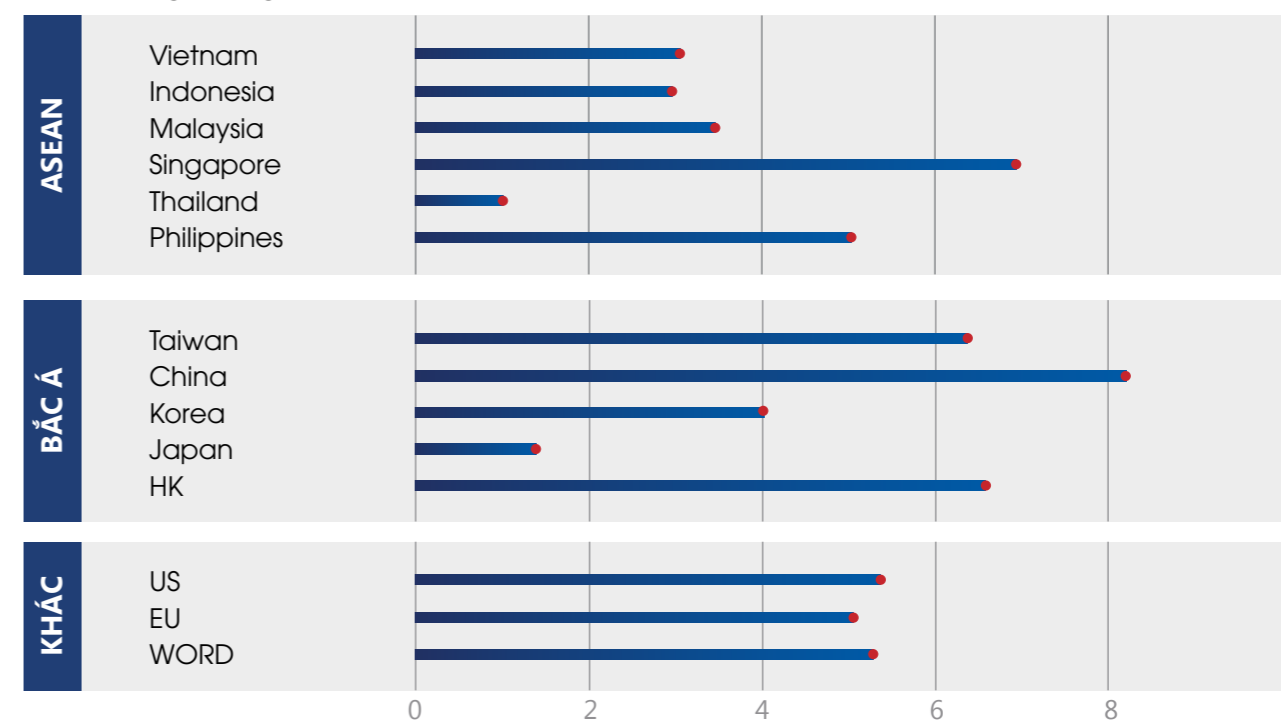
Trong năm 2022, triển vọng đối với các thị trường mới nổi ở châu Á tương đối lạc quan với tốc độ tăng trưởng GDP ở khu vực châu Á (không bao gồm Nhật Bản) ở mức 5,7%. Đối với khu vực Đông Nam Á, nền kinh tế ở khu vực này được dự báo sẽ có mức tăng trưởng mạnh mẽ hơn trong năm 2022 nhờ việc đẩy mạnh chiến dịch tiêm chủng, tái mở cửa nền kinh tế cùng sự hỗ trợ từ các chính sách tiền tệ.

► KINH TẾ VIỆT NAM

- Chỉ tiêu GDP: Năm 2022 là năm có ý nghĩa quan trọng, tạo nền tảng thực hiện các mục tiêu của Kế hoạch 5 năm 2021 - 2025. Dự báo tình hình quốc tế, trong nước có những thuận lợi, cơ hội và khó khăn, thách thức đan xen, nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn. Dịch COVID-19 có thể xuất hiện phức tạp, nguy hiểm hơn. Tăng trưởng kinh tế thế giới không đồng đều, chưa vững chắc, rủi ro tiếp tục gia tăng. Trong nước, kinh nghiệm, năng lực, khả năng ứng phó dịch bệnh tiếp tục được nâng lên, nhưng sức chống chịu và nguồn lực của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân giảm sút. Nguy cơ chậm phục hồi kinh tế, suy giảm tăng trưởng vẫn còn tiềm ẩn nếu không kiểm soát được dịch bệnh một cách cơ bản để mở cửa trở lại nền kinh tế... Trước những thuận lợi và thách thức đặt ra, Chính phủ đã đưa ra mục tiêu GDP năm 2022 là 6-6,5%.

Một số tổ chức kinh tế thế giới cũng đưa ra những dự báo lạc quan cho sự tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2022. Ngân hàng Thế giới (World Bank) dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam ước tính đạt 5,5% trong năm 2022, với kỳ vọng kiểm soát tốt dịch bệnh và nền kinh tế sẽ phục hồi mạnh mẽ. Trong khi đó, United Overseas Bank (UOB) nhận định, sự phục hồi khả quan trong quý 4/2021 cho thấy hoạt động kinh tế tại Việt Nam đang dần trở lại bình thường khiến tăng trưởng của Việt Nam có thể đạt 6,8% vào năm 2022.

Dự báo tăng trưởng GDP 2021



Nguồn: Tổng cục thống kê

- Chỉ tiêu CPI: Năm 2022, Quốc hội đề ra mục tiêu CPI tăng khoảng 4%. Chúng tôi cho rằng mục tiêu trên có thể trong tầm kiểm soát. Tuy nhiên, trong một diễn biến khác, áp lực lạm phát năm 2022 được đánh giá là không nhỏ. Nếu dịch Covid-19 được kiểm soát trong năm 2022, nhu cầu sản xuất và tiêu dùng tăng lên; lạm phát sẽ chịu tác động của vấn đề tăng giá nguyên nhiên vật liệu trên thế giới như xăng dầu, than và giá cước vận chuyển. Việc nhập khẩu nguyên liệu với mức giá cao sẽ ảnh hưởng đến chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm, từ đó đẩy giá hàng hóa tiêu dùng trong nước lên cao, tạo áp lực cho lạm phát.



Bên cạnh đó, giá nhập khẩu thức ăn chăn nuôi và nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi tăng sẽ tác động vào giá thực phẩm. Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở được tính trong CPI cũng sẽ tăng theo giá nguyên liệu dùng trong xây dựng. Giá dịch vụ giáo dục tăng trở lại do một số địa phương kết thúc thời gian được miễn, giảm học phí năm học 2021-2022 và ảnh hưởng của việc thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ giáo dục theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ giáo dục trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo. Ngoài ra, khi dịch Covid-19 được kiểm soát, nhu cầu dịch vụ ăn uống ngoài gia đình, dịch vụ du lịch, vui chơi, giải trí tăng trở lại cũng tác động không nhỏ tới CPI chung.

- Lãi suất: Dù mức lãi suất trên thị trường hiện tại đã cao hơn so với cuối năm ngoái, song mức lãi suất này vẫn đang ở mức thấp so với thời điểm trước dịch và được dự báo sẽ duy trì thêm một thời gian nữa để kích thích sự phục hồi kinh tế trong nước. Môi trường lãi suất thấp khiến thị trường chứng khoán trở thành kênh đầu tư sinh lời hấp dẫn hơn, thu hút dòng tiền từ nhiều đơn vị. Dự kiến mặt bằng lãi suất sẽ tăng trở lại trong nửa cuối năm 2022. NHNN có thể có những động thái thắt chặt luồng tín dụng vào bất động sản và chứng khoán, để nắn dòng tiền vào hoạt động sản xuất

► THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

Đến thời điểm 31/12/2021, chỉ số VNINDEX đang được giao dịch tại vùng đỉnh mới với điểm số 1.498,28 với mức định giá P/E và P/B tương ứng lần lượt là 17,58 và 2,81 (lần). Dòng tiền tiếp tục đi vào thị trường chứng khoán khi lãi suất gửi tiết kiệm vẫn có xu hướng giảm trong năm 2021 và tạo ra các đợt tăng giá đối với cổ phiếu các ngành chứng khoán, bất động sản, bán lẻ, ngân hàng và thép. Một số yếu tố xoay quanh xu hướng này có thể kể đến:

Lãi suất ngân hàng thấp sẽ kích thích dòng tiền đổ vào các kênh sinh lời cao hơn. Với tiềm năng tăng trưởng của thị trường chứng khoán như hiện tại, dòng tiền sẽ đổ vào đầu tư như một kênh sinh lời khả dĩ.

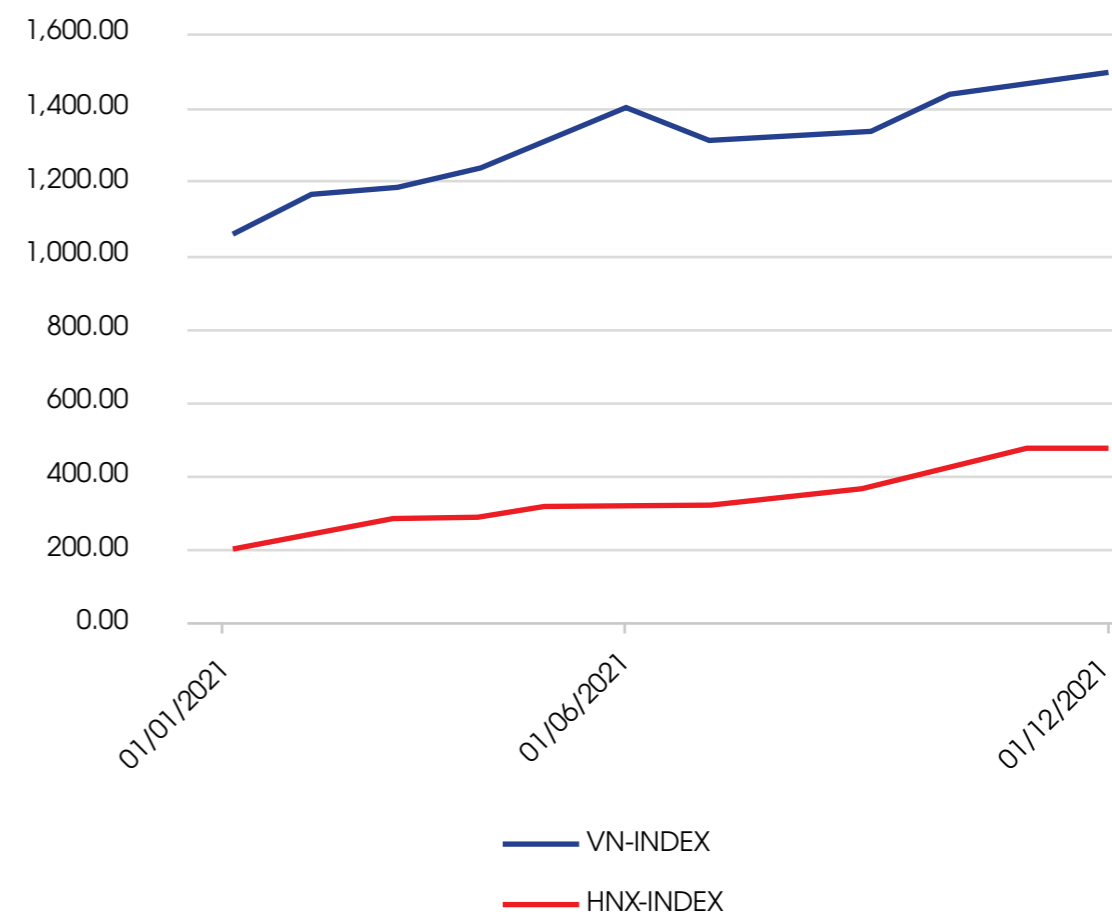
Chúng tôi kỳ vọng thị trường chứng khoán Việt Nam sẽ được công bố nâng hạng lên nhóm Thị trường mới nổi khi hệ thống giao dịch mới của KRX đi

vào vận hành. Việt Nam đang trong giai đoạn chuẩn bị để chính thức đưa vào hoạt động Sở Giao dịch chứng khoán Việt Nam (VNX) trong 6 tháng đầu năm 2022. Đây là cơ quan đầu mối quản lý chung thị trường chứng khoán Việt Nam, thay thế mô hình hai sở giao dịch riêng lẻ hiện nay. Ngoài ra, Việt Nam đang hợp tác với các đối tác Hàn Quốc để nâng cấp hệ thống giao dịch chứng khoán (KRX) dự kiến hoàn thành trong năm 2022. Chính phủ cũng có kế hoạch thành lập trung tâm thanh toán bù trừ trung tâm (CCP) (trực thuộc VNX), dự kiến sẽ giải quyết điểm nghẽn về tỷ lệ ký quỹ giao dịch bằng tiền mặt mà cả FTSE và MSCI đều coi là nút thắt trong việc nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam lên thị trường mới nổi. Hệ thống giao dịch mới cũng giúp VNX cung cấp thêm các dịch vụ mới như mua bán chứng khoán cùng phiên, bán chứng khoán chờ về,...

Mặt khác, gói hỗ trợ phục hồi kinh tế trị giá 350.000 tỷ đồng được Quốc hội thông qua trong kỳ họp bất thường vào đầu tháng 01/2022 sẽ là động lực thúc đẩy kinh tế, từ đó tác động tích cực đến TTCK.

Là thị trường cận biên với tốc độ phát triển nhanh chóng trong khu vực, chúng tôi cho rằng mức định giá P/E forward trong khoảng từ 14,0 – 17,0 lần là hợp lý đối với chỉ số VNINDEX trong năm 2022. Với kịch bản EPS dự phóng năm 2022 tăng 15%-19% so với năm 2021. Chúng tôi dự phóng VN-Index năm 2022 dao động trong biên độ từ 1.372 – 1.724 điểm.

Diễn biến TTCK Việt Nam năm 2021



PHẦN 02

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

STT	Chi tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020 (đồng)	Kế hoạch năm 2021 (đồng)	Thực hiện năm 2021 (đồng)	% tăng giảm thực hiện 2021 so với kế hoạch 2021	% tăng giảm thực hiện 2021 so với thực hiện 2020
1	Chỉ số Vn-index	điểm	1,103.87		1,498.28		35.73%
2	Doanh thu hoạt động	đồng	157,497,866,087	232,605,000,000	401,288,878,849	73%	154.79%
3	Chi phí hoạt động KD	đồng	75,162,692,683	114,580,000,000	196,537,637,847	72%	161.48%
4	Chi phí quản lý DN	đồng	42,228,619,597	48,025,000,000	72,045,754,342	50%	70.61%
5	Dự phòng tài chính (>0 :trích lập, <0 :hoàn nhập)	đồng	43,225,051	-	(4,580,833,044)		-10697.63%
6	Lợi nhuận kế toán trước thuế (chưa trích lập)	đồng	40,044,156,769	70,000,000,000	128,226,481,253	83%	220.21%
7	Lợi nhuận kế toán trước thuế (sau khi trích lập)	đồng	40,000,931,718	70,000,000,000	132,807,314,297	90%	232.01%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN (đã trích lập)	đồng	34,235,254,214	56,000,000,000	105,085,757,235		206.95%

Năm 2021, mặc dù chịu ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Tuy nhiên, đây vẫn tiếp tục là một năm đầy sôi động của thị trường chứng khoán Việt Nam. Thanh khoản của thị trường liên tục đạt được nhiều kỷ lục mới, giá trị và khối lượng giao dịch bình quân phiên lần lượt đạt trên 21.593 tỷ đồng và 737,29 triệu cổ phiếu, tương ứng tăng 247,27% về giá trị và 120,43% về khối lượng bình quân so với năm 2020.

Trước sự bùng nổ của thị trường chứng khoán trong nước, kết hợp với các chính sách điều hành quyết liệt và hiệu quả của HĐQT cùng với Ban Tổng giám đốc công ty. Trong năm 2021, doanh thu toàn công ty đạt 401.3 tỷ tương ứng với mức tăng 154.79% so với năm 2020, mức tăng trưởng này chủ yếu đến từ doanh thu hoạt động tự doanh, doanh thu từ hoạt động cho vay, hoạt động môi giới chứng khoán và hoạt động bảo

lãnh, đại lý phát hành chứng khoán. Chi phí kinh doanh năm 2021 tăng 161.48% so với năm ngoái, mức tăng này tương ứng với mức tăng của doanh thu. Ngoài ra, trong năm công ty đẩy mạnh hoạt động đi vay để bổ sung vốn kinh doanh dẫn đến chi phí đi vay trong kỳ tăng lên.

Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2021 tăng 71.61% so với năm 2020 và tăng 50% so với kế hoạch đề ra. Mức tăng này hoàn toàn phù hợp với bối cảnh phát triển của công ty. Theo đó, các chi phí về lương tăng lên do trong năm công ty tuyển thêm nhiều nhân sự mới đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ cho hoạt động của công ty, cũng như các khoản chính sách với người lao động tăng lên do công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Về tổng thể, lợi nhuận trước thuế đạt 132.8 tỷ tăng 232.01%.

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

▶ THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH



Ông Trương Ngọc Lâm
Tổng Giám đốc

Ông Lâm tốt nghiệp loại ưu trường Đại học Tài chính Kế toán, tốt nghiệp thạc sỹ Quản trị Kinh doanh và sau đại học chuyên ngành Toán – Thống kê – Định phí bảo hiểm tại trường City University – London, UK.

Ông Lâm có hơn hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm...và từng nắm giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao của Tập đoàn Bảo Việt như: Trưởng Ban Đầu tư; Trưởng Ban Chiến lược; Giám đốc Ban Chỉ đạo Đổi mới – Tái cơ cấu. Ông cũng từng tham gia Thành viên HĐQT các công ty như: CTCP Chứng khoán Bảo Việt, CTCP Vận tải biển Việt Nam...



Ông Đặng Hải Chung
Phó Tổng Giám đốc

Ông Chung là Thạc sỹ Quản trị kinh doanh, cử nhân kinh tế Đại học Kinh tế Quốc dân.

Ông có hơn 18 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và từng giữ các vị trí lãnh đạo cấp cao tại các tổ chức như: Thành viên Ban điều hành, Giám đốc cao cấp Khối Kinh doanh Công ty Tài chính Lotte Finance VN; Giám đốc Sales và Marketing Công ty MSB Finance; Giám đốc Vùng Miền Bắc Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN MSB...



Bà Hoàng Thị Thu Hiền
Phó Tổng Giám đốc

Bà Hiền tốt nghiệp Đại học Kinh tế Quốc dân với tấm bằng loại ưu.

Trước khi làm việc tại ABS, Bà Hiền đã có nhiều năm kinh nghiệm làm kiểm toán tại hãng kiểm toán Deloitte Việt Nam. Bà đã từng giữ vị trí Phụ trách Bộ phận Kiểm soát nội bộ, Giám đốc Khối Dịch vụ chứng khoán và hiện đang nắm giữ vị trí Phó Tổng Giám đốc ABS.



Bà Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Bà Hiền tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Quốc dân chuyên ngành Kế toán Tài chính.

Bà có hơn 17 năm kinh nghiệm trong ngành Kế toán Tài chính.

Bà đã từng giữ vị trí Kiểm soát viên, Chuyên viên kế toán tại Ngân hàng TMCP An Bình và hiện đang nắm giữ vị trí Kế toán trưởng của ABS.

▶ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày chấm dứt HĐLĐ
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc		31/07/2021
Ông Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng		01/06/2021
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	01/06/2021	
Ông Đặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	30/07/2021	



► CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Đầu năm 2021, ABS có 91 cán bộ nhân viên, đến cuối năm 2021, số lượng cán bộ nhân viên là 122 người. Năm 2021 là năm dịch covid có diễn biến phức tạp nhất trong các năm qua, Ban lãnh đạo công ty đã nhanh chóng đánh giá được rủi ro trong đợt dịch bùng phát và kịp thời tổ chức cho CBNV làm việc từ xa luân phiên trong 2 đợt tháng 2-3/2021 và tháng 8-10/2021. Trong thời gian làm việc từ xa, CBNV vẫn được hưởng đầy đủ chế độ đãi ngộ, lương và thưởng như: lương tháng thứ 13, thưởng Hiệu quả công việc, trợ cấp Tết Dương lịch, Tết Âm Lịch, 30/4-1/5, Ngày 02/9, đầy đủ các chế độ Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm thất nghiệp theo đúng quy định Nhà nước... Ngoài ra Công ty đã xây dựng và áp dụng chính sách hỗ trợ người lao động bị dương tính covid-19, là F1 hoặc/và gia đình ở vào khu vực bị phong tỏa.

Năm 2021, Ban lãnh đạo công ty đã xây dựng bảng ngạch bậc chức danh mới theo nguyên tắc lương 3Ps để đảm bảo lương cạnh tranh so với thị trường, giữ gìn và xây dựng đội ngũ nhân sự cốt cán, gắn bó lâu dài với công ty. Cụ thể, số lượng CBNV trong năm 2021 được áp dụng tăng lương, nâng bậc theo bảng ngạch, bậc, chức danh mới là 32 người trong tổng số hơn 100 nhân sự được xếp lại chức danh và cấp bậc theo hệ thống mới.



CBNV Công ty còn được hưởng các chế độ phúc lợi khác bao gồm: tham gia gói Bảo hiểm sức khỏe, hỗ trợ CBNV trong điều trị nội trú, ngoại trú cũng như các rủi ro khác về sức khỏe. Thực hiện nghiêm chỉ thị của Thủ tướng và Chính phủ trong năm 2021 về hạn chế tập trung đông người để phòng tránh lây lan covid-19, Ban lãnh đạo ABS đã đổi mới trong các hoạt động gắn kết CBNV, tổ chức các hoạt động trực tuyến đối với các hoạt động xây dựng văn hoá doanh nghiệp, gắn kết đội nhóm. Các ngày kỷ niệm như ngày lễ Quốc tế phụ nữ 08-3, ngày phụ nữ Việt Nam 20-10, Sinh nhật Công ty 05/11... Ban lãnh đạo cũng dành nhiều sự quan tâm tới gia đình CBNV như tổ chức tặng quà con em CBNV nhân ngày 01-6, tết Trung thu. Các hoạt động thăm hỏi chế độ sinh con, ốm đau, hiếu hỷ... đều được thực hiện đầy đủ và nghiêm túc.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

► TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chi tiêu	2021	2020	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2,123,653,964,553	682.948.209.291	25,87%
Doanh thu thuần	157.497.866.087	78.139.138.825	101,56%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	40.106.501.685	22.774.589.145	76,10%
Lợi nhuận khác	-105.569.967	262.776.256	-140,17%
Lợi nhuận trước thuế	40.000.931.718	23.037.365.401	73,64%
Lợi nhuận sau thuế	34.235.254.214	18.371.070.195	86,35%

► CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chi tiêu	Năm 2021	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,48	2,00	
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn			
Hệ số thanh toán nhanh			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho	2,48	2,00	
Nợ ngắn hạn			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ / Tổng tài sản	0,43	0,412	
Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	0,77	0,70	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,19	0,18	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	0,26	0,2	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	0,09	0,07	
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0,05	0,04	
Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	0,33	0,25	

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

▶ CỔ PHẦN

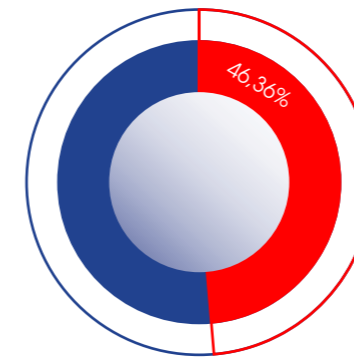
STT	Tổng số cổ phần	100.043.988 cổ phần
1	Loại cổ phần	Toàn bộ là Cổ phần phổ thông
2	Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng	90.881.037 cổ phần
3	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng	9.162.951 cổ phần (phong tỏa theo yêu cầu của chủ sở hữu)

▶ CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

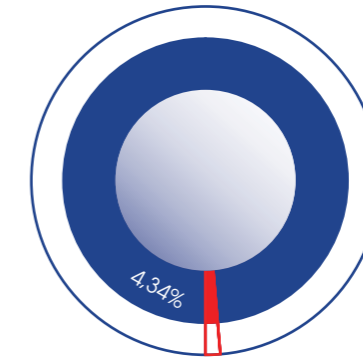
Tổng số cổ đông: 114 cổ đông, trong đó: Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% trở lên) là 05 cổ đông, cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%) là 109 cổ đông, cụ thể như sau:

STT	Họ và tên/ tên giao dịch đối với tổ chức	Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ góp vốn cổ phần	Mức góp vốn (đồng)
1	Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	Số 36 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, Hà Nội	46,36%	463.795.170.000
2	Vũ Đức Chính	25/61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	10,85%	108.540.710.000
3	Chu Văn Mân	Số 187 Đại La, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	9,55%	95.541.800.000
4	Vũ Thị Minh Trang	Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội	8,37%	83.768.500.000
5	Nguyễn Văn Anh	Số 187 Đại La, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	6,76%	67.639.180.000
6	Các cổ đông khác		18,11%	182.154.520.000
	Tổng cộng		100%	1.001.439.880.000

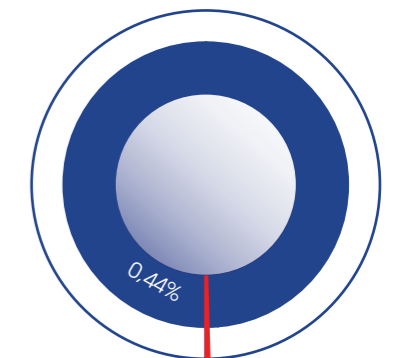
▶ CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC



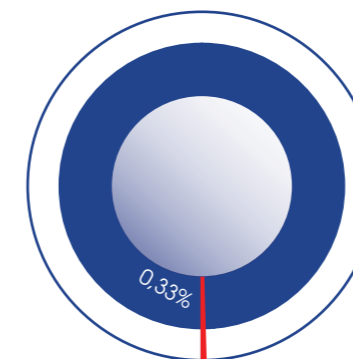
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP, ĐKKD số 0100514947 do Sở KH - ĐT Hà Nội cấp 13/04/2007, sửa đổi bổ sung lần thứ 16 ngày 15/06/2017. Địa chỉ: 36 Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội. Tỷ lệ góp vốn: 46,36%. Mức góp vốn: 463.795.170.000 đồng



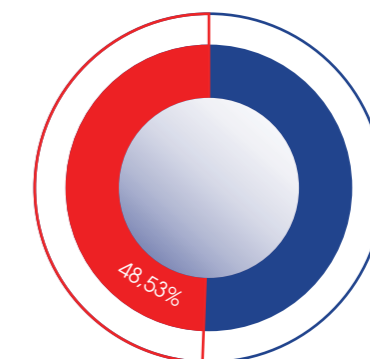
Công ty Cổ phần TBIC - ĐKKD số 2300740922 do Sở KH-ĐT Hà Nội cấp 18/06/2012, sửa đổi bổ sung ngày 12/06/2020. Địa chỉ: Số nhà 25, Ngõ 61 Thái Thịnh, Phường Thịnh Quang, Quận Đống Đa, Hà Nội. Tỷ lệ góp vốn: 4,34%. Mức góp vốn: 43.382.380.000 đồng



CTCP Nông Lâm Công nghiệp An Hòa Tuyên Quang - Mã số DN 5000875836 do Sở KH-ĐT Tuyên Quang cấp lần đầu 13/06/2020. Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tỷ lệ góp vốn: 0,44%. Mức góp vốn: 4.400.000.000 đồng



Cty cổ phần nguyên liệu giấy An Hòa Tuyên Quang - Mã số DN 5000294366 do Sở KH-ĐT Tuyên Quang cấp lần đầu 23/06/2008; thay đổi lần thứ 5: 07/11/2019. Địa chỉ: Thôn An Hòa, xã Vĩnh Lợi, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Tỷ lệ góp vốn: 0,33%. Mức góp vốn: 3.300.000.000 đồng



Các cổ đông cá nhân khác. Tỷ lệ góp vốn: 48,53%. Mức góp vốn: 486.562.330.000 đồng

Cổ đông trong nước: 114 cổ đông sở hữu 100% vốn điều lệ, cổ đông nước ngoài: 0 cổ đông. Cổ đông nhà nước: 0 cổ đông, cổ đông khác: 114 cổ đông sở hữu 100% vốn điều lệ.

▶ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Nội dung	Vốn điều lệ (đồng)	Đối tượng chào bán	Đơn vị cấp
1	Giấy phép số 16/UBCK-GPHĐKD ngày 29/09/2006 thành lập ABS	50.000.000.000		UBCKNN và Sở KHĐT TP. Hà Nội
2	Giấy phép số 266/UBCK-GP ngày 18/04/2007 thay đổi vốn điều lệ	330.000.000.000		UBCKNN
3	Giấy phép số 178/UBCK-GP ngày 10/12/2008 thay đổi vốn điều lệ	397.000.000.000		UBCKNN
4	Giấy phép số 79/GPĐC-UBCK ngày 16/09/2021 thay đổi vốn điều lệ	1.000.439.880.000	Cổ đông hiện hữu	UBCKNN

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

► TÀI TRỢ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ DỊCH BỆNH

Là đơn vị luôn tiên phong trong việc đồng hành cùng Chính phủ trước những vấn đề nóng của xã hội, khi Đại dịch Covid-19 bắt đầu xuất hiện tại Việt Nam, ABS đã ngay lập tức đồng hành cùng Tập đoàn Geleximco và các đơn vị thành viên tài trợ tiền mặt cũng như các trang thiết bị, nhu yếu phẩm... tới các đơn vị, cá nhân đang trực tiếp làm công tác phòng chống dịch, chữa trị bệnh, những khu vực đang phải cách ly, và những trường hợp đang được điều trị bệnh cần sự giúp đỡ. Với quyết tâm đồng lòng cùng Chính phủ và hưởng ứng lời kêu gọi “không để ai bị bỏ lại phía sau trong cuộc chiến với dịch Covid-19”. Bên cạnh những đóng góp trực tiếp, ABS đều dành công sức cho công tác phòng chống dịch tại các cơ sở kinh doanh trên hệ thống, tạo điều kiện tốt nhất để đảm bảo giữ gìn sức khỏe CBNV trong lao động. Đồng thời thực hiện nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn bởi dịch bệnh như giảm lãi suất cho vay, miễn/giảm các loại phí giao dịch...

► CHUNG TAY BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong năm 2021, ABS tiếp tục phát động và triển khai các chương trình bảo vệ môi trường như hưởng ứng Giờ Trái đất; ngày Nước thế giới; chương trình tiết kiệm điện và hạn chế sử dụng năng lượng; tham gia vệ sinh môi trường tại một số địa điểm công cộng... Các chương trình trên đều được cán bộ nhân viên toàn công ty đồng tình ủng hộ, giúp nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, khơi gợi tình yêu thương gắn bó với thiên nhiên. Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư – tài chính – chứng khoán, các tác động trực tiếp của ABS đến môi trường trong quá trình vận hành là không đáng kể. Tuy vậy, các mục tiêu bảo vệ môi trường luôn được gắn kết với mọi hoạt động nội bộ của Công ty.



► TÀI TRỢ XÂY DỰNG TRƯỜNG HỌC CHO CÁC KHU VỰC KHÓ KHĂN

Với mong muốn góp một phần công sức giúp đỡ trẻ em vùng cao được tiếp cận với môi trường học đường đầy đủ, khang trang, CTCP Chứng khoán An Bình (ABS) kết hợp với Đài Tiếng nói Việt Nam (VOV) và các nhà tài trợ đã khánh thành điểm Trường mầm non xóm Vẹ, xã Quý Hòa, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình với tổng giá trị tài trợ lên đến 520 triệu đồng. Đây là công trình nằm trong chuỗi các hoạt động xã hội của ABS từ năm 2006 đến nay. Công trình điểm trường xóm Vẹ gồm 01 phòng học, 01 nhà kho, nhà vệ sinh cùng sân chơi và khu phụ trợ. Đây là dự án trong chuỗi chương trình mang tri thức lên vùng cao do ABS đầu tư tài trợ xây dựng. ABS hy vọng với ngôi trường mới cùng các trang thiết bị học tập, vui chơi, trẻ em nơi đây sẽ có một không gian thoải mái, vui vẻ và an toàn. ABS hiểu rằng đầu tư cho trẻ em là đầu tư xây dựng bền vững cho tương lai, không chỉ cho riêng các em và gia đình, mà còn là cho địa phương cũng như cho đất nước. Ngôi trường mới sẽ mang đến cho các em những điều kiện tốt hơn trong học tập.



► TỐI GIẢN VẬT LIỆU SỬ DỤNG

Vật liệu được sử dụng trong quá trình vận hành và cung cấp dịch vụ của ABS chủ yếu là giấy in, mực in và đồ dùng văn phòng phẩm. Trong năm 2021, ABS đã đẩy mạnh quá trình số hóa các giao dịch hoạt động giúp giảm đáng kể lượng văn bản tài liệu cần in ấn, từ đó làm giảm chi phí mực in cũng như lượng giấy thải ra môi trường. Ngoài ra, Công ty cũng áp dụng một số biện pháp tiết kiệm nguồn vật liệu như xây dựng hạn mức giấy in, đồ dùng văn phòng phẩm được sử dụng; tái sử dụng giấy in một mặt. Kiểm soát năng lượng tiêu thụ Điện và xăng dầu là 2 loại năng lượng chính được tiêu thụ trong hệ thống hoạt động kinh doanh của ABS. Điện được dùng để duy trì hệ thống thắp sáng, hệ thống điều hòa và hệ thống máy tính làm việc. Nguồn tiêu thụ xăng của Công ty chủ yếu đến từ các xe ô tô chuyên chở cán bộ nhân viên công tác tại các tỉnh thành phố trên cả nước, tập trung tại các thành phố lớn như TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh.

PHẦN 03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

▶ ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Năm 2021 là năm kinh tế biến động và khó khăn của cả thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trên cơ sở diễn biến phức tạp của TTCK Việt Nam do dịch bệnh gây ra, Ban điều hành ABS đã nỗ lực cùng đồng hành và chia sẻ những khó khăn với các khách hàng. Do đó, kết quả cuối cùng ghi nhận ABS hoàn thành vượt chỉ tiêu về lợi nhuận do HĐQT giao.

Tổng kết lại năm 2021 công ty đạt lợi nhuận trước thuế là 132 tỷ VNĐ, hoàn thành 189% so với kế hoạch HĐQT giao và đạt 330% so với năm 2020. Mức lợi nhuận này phản ánh chính xác sự nỗ lực và cố gắng của Ban điều hành và CBNV trong suốt một năm 2021 đầy khó khăn và thách thức.

▶ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ số tài chính	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 31/12/2020
Tổng tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn (lần)	2,48	2,51
Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/ Tổng tài sản (lần)	0,41	0,17
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	43,43%	41,16%
Tỷ lệ nợ phải trả/Tổng tài sản	43,43%	41,16%
Tỷ lệ nợ phải trả/VCSH (%)	76,78%	69,94%
Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng doanh thu hoạt động (ROS%)	26,19%	21,74%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA%)	4,95%	3,98%
Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE%)	8,75%	6,77%

- Năm 2021, tỷ số thanh toán hiện hành của ABS ở mức cao, đạt 2,48 lần, gần như không biến động nhiều so với năm trước.
- Tại thời điểm kết thúc năm 2021, quy mô tổng tài sản và vốn chủ sở hữu của công ty tăng mạnh lên 2.124 tỷ đồng và 1.202 tỷ đồng, nợ phải trả đạt 922 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ phải trả/tổng tài sản và nợ phải trả/vốn chủ sở hữu ở mức hợp lý, lần lượt đạt mức 43,43% và 76,78%.
- Hiệu quả kinh doanh cải thiện khi các chỉ tiêu khả năng sinh lời năm 2021 như ROS, ROA, ROE tăng so với năm 2020. Theo đó, ROS đạt 26,19% so với 21,74% (năm 2020), ROA đạt 4,95% so với mức 3,98% (năm 2020) và ROE đạt 8,75% so với 6,77% (năm 2020).

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

Trong năm 2021, đứng giữa những khó khăn, thách thức của nền kinh tế do bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nhưng lại rất sôi động của thị trường chứng khoán, Ban lãnh đạo công ty đã thực hiện các biện pháp đối ứng linh hoạt, duy trì ổn định hoạt động phát triển kinh doanh với hiệu suất tối đa và mang lại lợi nhuận lớn nhất trong toàn thời gian hoạt động của Công ty từ năm 2006 tới nay. Cụ thể như sau:

- Xây dựng và ban hành Cơ cấu tổ chức và Quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Công ty cổ phần chứng khoán An Bình theo Nghị quyết 67/NQ-HĐQT2021 ban hành ngày 01 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng quản trị. Các phòng ban mới được xây dựng theo nhu cầu cấp thiết đáp ứng sự phát triển của Công ty, các bộ phận vừa và nhỏ trong đơn vị khối/phòng cũng được cơ cấu lại để tối ưu hiệu quả, vai trò, nhiệm vụ, chức năng của mỗi bộ phận.
- Xây dựng và ban hành bộ Quy tắc Ứng xử và đạo đức nghề nghiệp kèm Quyết định số 112/QĐ-HĐQT2021 ngày 06/10/21.
- Nghiêm túc chấp hành Nội quy lao động được quy định rõ trong Quyết định 76/QĐ-TGĐ2018 ban hành ngày 16 tháng 07 năm 2018 của Tổng giám đốc. Nội quy này phù hợp với Bộ Luật Lao động hiện hành và đảm bảo cho người lao động được làm việc trong một môi trường có kỷ luật, có trách nhiệm và công bằng.
- Xây dựng và Ban hành Bảng ngạch, bậc, chức danh mới kèm Quyết định số 130A/QĐ-HĐQT2021 ngày 01/12/2021.
- Ban hành Quy chế Công bố thông tin và phát ngôn được kèm Quyết định số 73/QĐ-HĐQT21 ngày 17/12/2021.
- Ban hành Quy định soạn thảo, ban hành và lưu trữ văn bản kèm Quyết định số 71/QĐ-HĐQT21 ngày 17/12/2021.
- Thực hiện rà soát lại toàn bộ hệ thống Quy trình, Quy chế, ban hành mới hoặc sửa đổi bổ sung các quy trình hướng dẫn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi của cơ chế chính sách pháp luật và phù hợp hơn với đường lối hoạt động kinh doanh của công ty.
- Thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, thực hiện đánh giá định kỳ chất lượng nhân viên và mức độ hoàn thành công việc nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của đội ngũ cán bộ nhân viên.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

► CÁC ĐIỂM MẠNH VÀ THUẬN LỢI

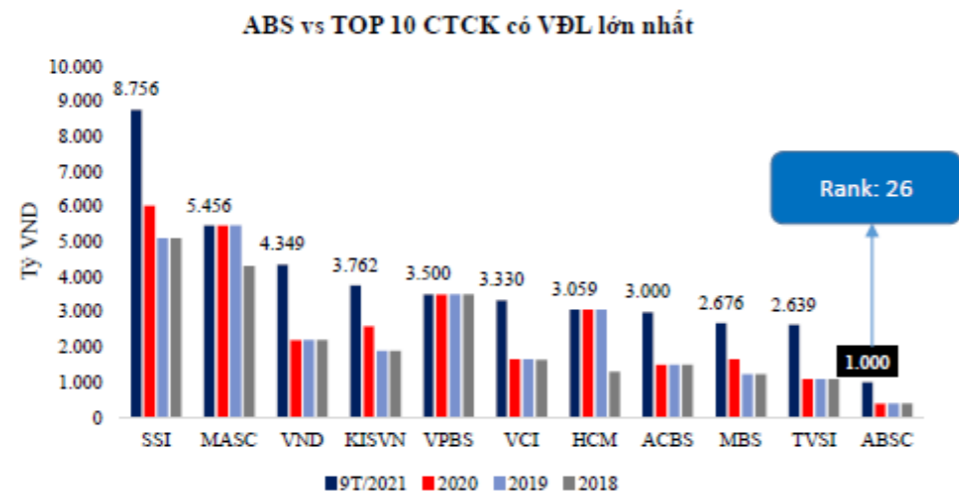
- Tính đến 31/03/2022, số điểm giao dịch của ABS là 10 điểm gồm: Các phòng môi giới trực thuộc Hội sở (sàn giao dịch Láng Hạ), điểm giao dịch Hoàng Cầu, Phòng môi giới 8. Có 04 chi nhánh trực thuộc tại TP.HCM, Hải Phòng, Đà Nẵng, Vũng Tàu; Có 03 chi nhánh tại Thái Bình, Bắc Ninh, Huế;
- Năm 2021 là một năm khá đặc biệt đối với ABS, năm kỉ niệm 15 năm thành lập Công ty, năm tăng vốn lên 1000 tỉ đồng và là năm chuẩn bị niêm yết lên sàn chứng khoán. Lợi nhuận trước thuế năm 2021 đạt 132 tỷ, tăng 232 % so với năm 2020.
- ABS được đánh giá là công ty chứng khoán lâu năm trên thị trường, hoạt động cốt lõi bền vững với lĩnh vực môi giới và tư vấn hoạt động khá hiệu quả. Thị phần môi giới của ABS ước đạt 0,5% toàn thị trường, đứng trong top 30 trong số các công ty chứng khoán đang hoạt động tại thị trường chứng khoán Việt Nam.
- ABS đã xây dựng được cơ sở khách hàng ổn định, với tổng số hơn 40,000 tài khoản với mạng lưới có mặt tại 8 tỉnh, thành phố, mang lại nguồn thu ổn định từ phí và lãi vay.
- Về nhân sự và quản trị: ABS duy trì số lượng nhân viên và quỹ lương phù hợp. Tính đến thời điểm 31/03/2022 là 130 người. Số lượng nhân viên thuộc mức trung bình trong nhóm 30 công ty chứng khoán lớn nhất.
- Đầu năm 2022, ABS thay đổi người đứng đầu, với tuy duy mới và cách quản trị mới, tập trung chuyển đổi ABS về mô hình kinh doanh nhằm nâng cao năng lực, tính chuyên nghiệp và triển khai số hóa, nhằm đạt được những mục tiêu tài chính của năm 2022 và tạo nền tảng phát triển đột phá những năm tiếp theo.

► CÁC ĐIỂM YẾU VÀ KHÓ KHĂN

- **Tình hình chung:** Năm 2022 sẽ vẫn còn nhiều khó khăn cho kinh tế Việt Nam với nhiều nguy cơ tiềm ẩn đặc biệt là rủi ro từ đại dịch covid 19 sẽ còn mất nhiều thời gian để kiểm soát. Cộng với việc FED đã lên lộ trình tăng lãi suất để chống lạm phát có thể khiến cho dòng vốn trên toàn cầu tiếp tục xu hướng rút khỏi các thị trường mới nổi. Hiện nay, giá thức ăn chăn nuôi, giá phân bón và nguyên vật liệu đầu vào vẫn ở mức cao, đặc biệt giá xăng, giá dầu liên tục tăng đã gây áp lực đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của nền kinh tế. Do ảnh hưởng của dịch COVID-19 nên hoạt động của các ngành thương mại và dịch vụ trong 2 tháng đầu năm 2022 tiếp tục giảm, hoặc tăng thấp so với cùng kỳ năm 2021. Bên cạnh đó, thị trường xuất nhập khẩu chịu nhiều tác động khủng hoảng tại Ukraine. Lạm phát chịu sức ép từ thiếu nguồn cung, giá xăng tăng cao; hoạt động sản xuất của doanh nghiệp còn gặp khó khăn; thương mại, dịch vụ vẫn chịu nhiều ảnh hưởng của dịch bệnh...



- **Mức độ cạnh tranh** về phí và lãi suất giữa khối các CTCK có vốn nước ngoài và top 10 các CTCK hàng đầu thị trường nội địa vẫn ngày một gắt gao hơn. Sự hiện diện ngày càng nhiều của các công ty chứng khoán (CTCK) có vốn Hàn Quốc đã và đang hình thành một “thế lực” tái tạo “cuộc chơi” mới trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Việc có quá nhiều CTCK nước ngoài “đổ bộ” vào TTCK Việt Nam đã tạo nên áp lực nặng nề với các CTCK nội trong “cuộc chiến” thị phần. Các CTCK nội nâng vốn ở ạt trong năm 2021 để nâng cao năng lực cạnh tranh với các CTCK nước ngoài. Việc cạnh tranh này gây áp lực và ảnh hưởng không nhỏ đến các công ty chứng khoán nhỏ và vừa còn lại.
- **Vốn và nguồn vốn:** ABS có vốn điều lệ 1.000 tỷ đồng được xếp vào nhóm các công ty có vốn trung bình, xếp hạng 26 toàn thị trường. Vốn chủ sở hữu ~ 1.201 tỷ đồng, xếp hạng 29 toàn thị trường.



Hình 1: Về tổng quan vốn điều lệ của toàn bộ CTCK trên thị trường

- **Hệ thống công nghệ thông tin** (phần mềm và hạ tầng) phục vụ giao dịch cho khách hàng được đánh giá là khá ổn định trong năm 2021, năm được coi là bùng nổ nhất trong lịch sử ngành chứng khoán từ trước tới nay. Tháng 9/2021 hệ thống eKYC (mở tài khoản online) tạo thuận lợi cho khách hàng đồng hành đầu tư với ABS nhanh hơn, thuận tiện hơn. Tuy nhiên, hệ thống



core chứng khoán cần nâng cấp toàn diện để đáp ứng sự tăng trưởng mạnh mẽ, đội ngũ nhân sự IT còn rất thiếu, việc hỗ trợ hệ thống còn phụ thuộc nhiều vào nhà cung cấp dịch vụ. App giao dịch chứng khoán qua đánh giá của khách hàng khá là đơn giản. Ban Điều hành đang nghiên cứu xây dựng một ứng dụng giao dịch mới có tính cạnh tranh hơn, nhiều tiện ích hơn phục vụ tốt nhất cho khách hàng.

► **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI**

ABS hoạt động trong lĩnh vực tài chính chứng khoán, do đó các sản phẩm dịch vụ của Công ty không ảnh hưởng nhiều và trực tiếp đến môi trường. Bên cạnh đó, để giảm thiểu các tác động gián tiếp đến môi trường, Công ty đã đẩy mạnh nâng cao ý thức của cán bộ nhân viên trong việc sử dụng điện, nước và các văn phòng phẩm.

► **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Năm 2020, nhân sự các Khối hỗ trợ tại Công ty không có biến động nhiều. Nhân sự thuộc các Khối Kinh doanh có nhiều biến động do Ban Lãnh đạo công ty tập trung phát triển kinh doanh, đẩy mạnh tuyển dụng nhân sự trong lĩnh vực môi giới và tư vấn đầu tư.

► **BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG**

Thực hiện đầy đủ 100% và phù hợp với các yêu cầu pháp luật của Nhà nước quy định./.



PHẦN 04

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY, TRONG ĐÓ CÓ ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công tác quản trị Công ty đã được tăng cường, thường xuyên giám sát việc quản lý điều hành của Tổng giám đốc theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các hoạt động nghiệp vụ được thực hiện phù hợp với quy định hiện hành. Kết quả kinh doanh Công ty đã đạt và vượt mức được Đại hội đồng cổ đông giao, tình hình tài chính ổn định, quản trị rủi ro được thực hiện tích cực, chủ động theo chính sách do Hội đồng quản trị ban hành, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn tài chính. Các mặt quản trị khác được quản lý, giám sát thường xuyên theo các quy định nội bộ của Công ty và phù hợp với yêu cầu của pháp luật

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Năm 2021, là một năm đầy biến động, tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn nhưng thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã đạt những thành quả nhất định. Chỉ số VN-Index nhiều lần thiết lập đỉnh lịch sử mới, đỉnh cao nhất khi VN-Index chạm mốc 1.500,81 điểm (ngày 25/11/2021). Tính đến ngày 28/12/2021: VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020. Mức vốn hóa thị trường đạt 7.729 nghìn tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP năm 2020. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (ĐKGD) của thị trường đạt 1.727 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020...

Trong bối cảnh đó, căn cứ trên điểm mạnh, điểm yếu cũng như đánh giá một cách thận trọng về các cơ hội và khả năng chấp nhận rủi ro của ABS, Hội đồng quản trị ABS đã đề ra phương hướng, chiến lược phù hợp để Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai nhằm đạt được kết quả kinh doanh hiệu quả nhất, cụ thể:

Doanh thu: 401.3 tỷ đồng

- Chi phí kinh doanh: 185.3 tỷ đồng
 - Chi phí hoạt động : 72.6 tỷ đồng
 - Lợi nhuận trước thuế đạt: 132 tỷ đồng
 - (đạt 189% so với kế hoạch 70 tỷ đồng).
- Căn cứ vào kết quả thực tế tình thực hiện

hoạt động kinh doanh, Hội đồng Quản trị đánh giá về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Dưới sự lãnh đạo, điều hành của Tổng Giám đốc, Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện tinh thần năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao trong công việc. Với sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện quyết

liệt các giải pháp chiến lược, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 do Đại hội đồng Cổ đông đề ra, đồng thời tuân thủ chặt chẽ các quy định trong hoạt động điều hành doanh nghiệp theo Điều lệ, quy chế Quản trị nội bộ và các quy định pháp lý hiện hành;

- Tổng Giám đốc đã tích cực, chủ động trong việc đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp đột phá nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh trình Hội đồng Quản trị; nghiêm túc và nỗ lực triển khai một cách có hiệu quả các chủ trương chính sách và các chỉ đạo của Hội đồng Quản trị;
- Chủ động trong việc tuyển dụng, thu hút và bồi dưỡng đội ngũ nhân sự có chất lượng, phù hợp và đáp ứng yêu cầu quản trị và hoạt động kinh doanh của Công ty;
- Mặc dù tình hình kinh doanh có nhiều biến động, Công ty đã giữ vững và tăng thị phần đối với nhiều nhóm sản phẩm chủ chốt, đồng thời mở rộng và tăng sự vững mạnh mạng lưới phân phối và cơ bản đã đạt được các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông đề ra;
- Công tác quản trị rủi ro tiếp tục được chú trọng và triển khai có hiệu quả, bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về an toàn tài chính góp phần đảm bảo an toàn tình hình tài chính của Công ty;
- Trong quá trình hoạt động, Ban Tổng Giám đốc đã tuân thủ theo các quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Quyết định và chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

Dựa trên những dự báo thị trường chứng khoán năm 2022, đặc điểm thực tế của ABS, Hội đồng quản trị xác định phương hướng kinh doanh chung của ABS trong năm 2022 là: Tiếp tục thúc đẩy hoạt động môi giới bán lẻ, tận dụng các cơ hội thị trường nhằm tối đa hóa hiệu quả hoạt động kinh doanh... Đồng thời, tăng cường phát triển hoạt động Ngân hàng đầu tư, hoạt động tư vấn trái phiếu, bảo lãnh phát hành trái phiếu, các sản phẩm trái phiếu.

Theo đó, năm 2022 sẽ tập trung vào một số giải pháp và hoạt động cụ thể sau:

- Tiếp tục phát triển kênh môi giới truyền thống, phát triển sản phẩm và đẩy mạnh kênh bán online, tăng thị phần môi giới từ 0.5% lên 1%.
- Đẩy mạnh dịch vụ cho vay giao dịch kỹ quỹ, đồng thời kiểm soát dư nợ giao dịch kỹ quỹ, đảm bảo không phát sinh nợ xấu trong các điều kiện thị trường được đánh giá rủi ro. Mục tiêu, cuối năm 2022 đạt 3.000 tỷ dự nợ giao dịch kỹ quỹ.
- Tập trung triển khai các dịch vụ môi giới, tư vấn về trái phiếu thứ cấp. Mục tiêu tư vấn phát hành 10.000 tỷ trái phiếu (bao gồm 5.000 tỷ bán lẻ) và 1.500 tỷ cổ phiếu;
- Chủ động tìm kiếm và mở rộng nguồn vốn với bên thứ ba, thực hiện các hình thức huy động, phát hành trái phiếu với giá vốn hấp dẫn để bổ sung vốn cho các hoạt động về kinh doanh nguồn và thị trường trái phiếu thứ cấp;
- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức của Công ty và các chính sách quy chế quản trị nội bộ, quản lý rủi ro đáp ứng nhu cầu thúc đẩy kinh doanh và tăng quy mô vốn, quy mô hoạt động của Công ty;
- Thực hiện việc đăng ký lưu ký chứng khoán tập trung và đăng ký giao dịch/niêm yết đối với cổ phiếu ABS khi đủ điều kiện theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Căn cứ tình hình thị trường và thực tế của Công ty, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông các chỉ tiêu cơ bản như sau:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021 (tỷ đồng)	Kế hoạch 2022 (tỷ đồng)	So sánh thực hiện và kế hoạch
Doanh thu	401,3	688,6	172%
Chi phí kinh doanh	185,3	364,7	197%
Chi phí quản lý	72,6	100,2	138%
Lợi nhuận	132	223,6	169%

PHẦN 05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

▶ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Cơ cấu HĐQT	Chức danh nắm giữ tại các Công ty khác	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu
1	Chủ tịch: Ông Vũ Văn Tiền	<ul style="list-style-type: none"> Chủ tịch, TGD Tập đoàn Geleximco – Công ty CP Phó Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP An Bình Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và Khai thác tài sản NH TMCP An Bình (ABBA) Chủ tịch HĐQT CTCP Nhiệt Điện Thăng Long Chủ tịch HĐQT CTCP Giấy An Hòa Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư và Xây dựng Quốc tế Vigeba Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sản xuất phụ tùng Ô tô xe máy Việt Nam 	Không
2	Thành viên: Bà Vũ Thị Hương	Tập đoàn Geleximco – Công ty CP CTCP Geleximco số 1 CTCP giáo dục tiên tiến Toàn Cầu	Không
3	Thành viên: Bà Trần Kim Khánh	Trưởng ban Tài chính - Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Không
4	Thành viên: Ông Lê Việt Hà	<ul style="list-style-type: none"> Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán An Bình Công ty Cổ phần Sapa Việt Nam Công ty Cổ phần Đầu tư Tổng hợp Hà Nội (SHN) CTCP Tập đoàn Công nghệ CMC 	Không
5	Thành viên: Bà Nguyễn Thị Nga	Phó Trưởng ban Tài chính - Tập đoàn Geleximco – Công ty CP	Không

▶ CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Tiểu ban trực thuộc HĐQT	Thành viên
1	Kiểm toán nội bộ	Vũ Ngọc Anh

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức 40 cuộc họp để chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo HĐQT kịp thời các vấn đề phát sinh trong hoạt động nghiệp vụ, rủi ro, nhân sự. Hội đồng Quản trị đã chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc điều hành hoạt động kinh doanh của ABS theo đúng mục tiêu, kế hoạch đã đề ra, tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trong quản lý, điều hành.

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRONG HĐQT ĐỘC LẬP

Bộ phận kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT phối hợp BKS thường xuyên họp với Ban Tổng Giám đốc để giám sát thường xuyên hoạt động của Công ty và việc thực hiện kế hoạch kinh doanh 2021 được Đại hội đồng Cổ đông thông qua.

BAN KIỂM SOÁT

▶ THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Tỷ lệ sở hữu cổ phần
1	Bà Chu Thị Hương – Trưởng ban	Không
2	Bà Phạm Thị Bích Ngọc – Thành viên	Không
3	Bà Nguyễn Thị Dụ – Thành viên	Không

▶ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2021 của ABS đã được ĐHĐCĐ thông qua, giám sát việc hoạt động tuân thủ theo quy định của pháp luật, Ủy Ban Chứng Khoán và Điều lệ của ABS.
- Phối hợp với hoạt động của kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, BKS đã đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc về các biện pháp tăng cường kiểm soát hoạt động, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo Công ty hoạt động tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ... nhằm đảm bảo Công ty hoạt động ổn định và hoàn thành tốt các chỉ tiêu đã đề ra
- Ban kiểm soát tham gia 4 cuộc họp thường xuyên/định kỳ của Ban Tổng Giám đốc. BKS cũng được cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty phục vụ cho việc kiểm soát của BKS và kiểm toán nội bộ.

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ LỢI ÍCH CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

▶ LƯƠNG THƯỜNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Tổng lương và thù lao cho HĐQT và BKS đã chi trong năm 2021 là 1,72 tỷ đồng tương đương 69% kế hoạch ngân sách thù lao của HĐQT và BKS (2,5 tỷ đồng) đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên ngày 15/04/2021. Các chi phí giao dịch, công tác phí của HĐQT, BKS được thực hiện theo đúng quy chế quản lý tài chính của Công ty.

• Lương và thù lao của Hội đồng quản trị

Nội dung	Chức danh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lương và Thù lao HĐQT		1,279,272,728	337,000,000
Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	461,818,182	120,000,000
Nguyễn Thị Hương	Thành viên	-	24,500,000
Lê Việt Hà	Thành viên	170,909,091	-
Nguyễn Thị Nga	Thành viên	170,909,091	Không
Trần Kim Khánh	Thành viên	195,090,909	84,000,000
Trương Ngọc Lân	Thành viên	-	24,500,000
Vũ Thị Hương	Thành viên	280,545,455	84,000,000

• **Lương và thù lao của Ban kiểm soát**

Nội dung	Chức danh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lương và Thù lao BKS		439,818,181	192,000,000
Chu Thị Hường	Trưởng ban	234,363,636	72,000,000
Vũ Thị Hương Trà	Thành viên	17,272,727	60,000,000
Nguyễn Minh Quang	Thành viên	17,272,727	60,000,000
Nguyễn Thị Dự	Thành viên	85,454,546	-
Phạm Thị Bích Ngọc	Thành viên	85,454,545	-

và BKS đã chi trong năm 2021 là 1,72 tỷ đồng tương đương 69% kế hoạch ngân sách thù l do Công ty hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch căn cứ Nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông đã thông qua tại phiên họp thường niên ngày 15/04/2021.

• **Lương và thù lao của Ban Tổng Giám đốc**

Nội dung	Chức danh	Năm 2021 (VNĐ)	Năm 2020 (VNĐ)
Lương và thù lao Ban TGD		828,000,000	654,000,000
Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	461,818,182	120,000,000
Chu Tuấn An	Phó TGD	-	24,500,000
Đặng Hải Chung	Phó TGD	170,909,091	-
Hoàng Thị Thu Hiền	Phó TGD	170,909,091	Không
Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	195,090,909	84,000,000

► **GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

Không phát sinh

► **HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ**

Trong năm 2021, có phát sinh giao dịch với giữa công ty với người nội bộ/người có liên quan của công ty, cụ thể:

- Thực hiện hợp tác với ABF trong việc mua bán cổ phiếu, trái phiếu, CCTG
- Mua trái phiếu giữa ABS và người có liên quan

► **ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Các quy định về quản trị Công ty bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật.

PHẦN 06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán

Báo cáo tình hình tài chính

Báo cáo kết quả hoạt động

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu

Thuyết minh Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 09 năm 2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHDKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp gồm: Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018, Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 09 năm 2021, Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Văn Tiền	Chủ tịch	
Bà Vũ Thị Hương	Ủy viên	
Bà Trần Kim Khánh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Nga	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021
Ông Lê Việt Hà	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nhâm Hà Hải	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 18/01/2022
Ông Trương Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 18/01/2022
Bà Hoàng Thị Thu Hiền	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đặng Hải Chung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/07/2021
Ông Chu Tuấn An	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 31/07/2021
Bà Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/06/2021
Ông Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 01/06/2021

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Chu Thị Hường	Trưởng ban	
Bà Nguyễn Thị Dịu	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021
Bà Phạm Thị Bích Ngọc	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 15/04/2021
Bà Vũ Thị Hương Trà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2021
Ông Nguyễn Minh Quang	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 15/04/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định pháp lý của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Số: 393/BCKT/TC/NV8

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được lập ngày 30 tháng 03 năm 2022, từ trang 05 đến trang 48, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Bảo Trung
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 0373-2018-126-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

Trần Thị Chúc
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán số: 3278-2020-126-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,959,784,578,327	707,793,541,891
110	I. Tài sản tài chính		1,891,773,270,753	638,560,846,084
111	1. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	20,829,576,505	74,964,712,686
111.1	1.1 Tiền		20,829,576,505	74,632,691,686
111.2	1.2 Các khoản tương đương tiền		-	332,021,000
112	2. Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	5	541,172,315,012	70,478,102,133
113	3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	5	300,355,326,145	-
114	4. Các khoản cho vay	5	1,008,426,741,611	487,465,570,266
116	5. Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	6	(13,970,236,377)	(18,551,069,421)
117	6. Các khoản phải thu	7	305,889,090	22,767,104,000
117.1	6.1 Phải thu bán các tài sản tài chính		-	22,767,104,000
117.2	6.2 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		305,889,090	-
117.3	6.2.1 Phải thu cổ tức, tiền lãi đến ngày nhận		19,587,720	-
117.4	6.2.2 Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		286,301,370	-
118	7. Trả trước cho người bán		8,354,769,780	306,206,600
119	8. Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	7	27,777,984,264	2,637,355,973
122	9. Các khoản phải thu khác	7	2,038,754,943	2,010,714,067
129	10. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	8	(3,517,850,220)	(3,517,850,220)
130	II. Tài sản ngắn hạn khác		68,011,307,574	69,232,695,807
131	1. Tam ứng		229,075,000	414,128,000
132	2. Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		217,096,000	-
133	3. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3,263,135,171	4,011,540,398
135	4. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		424,699,481	-
136	5. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	1,190,101,409
137	6. Tài sản ngắn hạn khác	11	63,877,301,922	63,616,926,000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		163,869,386,226	151,839,782,569
210	I. Tài sản tài chính dài hạn		72,861,866,000	63,624,690,500
212	1. Các khoản đầu tư	12	72,861,866,000	63,624,690,500
212.4	1.11 Đầu tư dài hạn khác		72,861,866,000	63,624,690,500
220	II. Tài sản cố định		70,462,919,437	69,812,299,157
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	5,803,344,202	5,135,825,592
222	- Nguyên giá		19,956,725,664	19,180,121,434
223a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(14,153,381,462)	(14,044,295,842)
227	2. Tài sản cố định vô hình	14	64,659,575,235	64,676,473,565
228	- Nguyên giá		94,786,118,798	93,996,618,798
229a	- Giá trị hao mòn lũy kế		(30,126,543,563)	(29,320,145,233)
240	IV. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	45,000,000
250	V. Tài sản dài hạn khác		20,544,600,789	18,357,792,912
251	1. Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	10	907,168,200	800,258,200
254	2. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	15	19,637,432,589	17,557,534,712
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2,123,653,964,553	859,633,324,460

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)


Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		922,349,767,325	353,787,818,345
310	I. Nợ phải trả ngắn hạn		790,182,422,157	281,865,818,345
311	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	16	395,176,000,000	247,793,609,829
312	1.1 Vay ngắn hạn		395,176,000,000	247,793,609,829
318	2. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	18	8,430,773,200	3,390,904,978
320	3. Phải trả người bán ngắn hạn		442,583,770	1,821,645,875
321	4. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	47,318,250,491	12,446,010,837
322	5. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	14,021,983,681	4,059,122,987
323	6. Phải trả người lao động		27,012,040,921	8,019,821,816
324	7. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		220,999,750	55,892,150
325	8. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	19,345,862,306	3,721,798,331
327	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		989,147,442	-
328	10. Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	22	156,000,000	156,000,000
329	11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	23	276,257,051,803	401,011,542
331	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		811,728,793	-
340	II. Nợ phải trả dài hạn		132,167,345,168	71,922,000,000
346	1. Trái phiếu phát hành dài hạn	17	128,802,000,000	71,922,000,000
356	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	38	3,365,345,168	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1,201,304,197,228	505,845,506,115
410	I. Vốn chủ sở hữu	24	1,201,304,197,228	505,845,506,115
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1,000,439,880,000	397,000,000,000
411.1	1.1 Vốn góp của chủ sở hữu		1,000,439,880,000	397,000,000,000
411.1a	a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1,000,439,880,000	397,000,000,000
412	2. Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý		47,079,982,998	19,635,260,327
414	3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		7,945,521,147	6,233,758,436
415	4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		7,945,521,147	6,233,758,436
417	5. Lợi nhuận chưa phân phối		137,893,291,936	76,742,728,916
417.1	5.1 Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		125,042,065,855	77,352,883,509
417.2	5.2 Lợi nhuận chưa thực hiện		12,851,226,081	(610,154,593)
440	TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2,123,653,964,553	859,633,324,460


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
006	1. Cổ phiếu đang lưu hành		100,043,988	39,700,000
008	2. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của công ty chứng khoán	25	45,356,940,000	48,076,240,000
009	3. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		1,430,000	30,000
012	4. Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của công ty chứng khoán	26	780,685,550,000	18,128,730,000
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
021	1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	27	7,581,361,660,000	6,262,813,480,000
021.1	a. Tài sản tài chính giao dịch dự do chuyển nhượng		6,172,155,240,000	4,696,002,620,000
021.2	b. Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		423,269,470,000	73,189,430,000
021.3	c. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		728,649,950,000	1,390,022,920,000
021.4	d. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		49,610,000,000	-
021.5	e. Tài sản tài chính chờ thanh toán		207,677,000,000	103,598,510,000
022	2. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	28	31,447,930,000	15,577,650,000
022.1	a. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng		31,426,930,000	15,577,650,000
022.2	b. Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng		21,000,000	-

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
026	3. Tiền gửi của khách hàng	29	769,588,379,551	448,599,984,947
027	3.1 Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		769,555,125,451	448,572,735,297
030	3.2 Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán		33,254,100	27,249,650
031	5. Phải trả Nhà đầu tư về tiền giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	30	769,555,125,451	448,572,735,297
031.1	5.1 Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		763,285,946,981	448,568,409,749
031.2	5.2 Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý		6,269,178,470	4,325,548
035	6. Phải trả cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	31	33,254,100	27,249,650


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng


Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	1.1		76,590,511,079	27,485,212,505
01.1	a.	33.a)	50,717,056,964	13,098,442,294
01.2	b.	33.b)	21,046,614,992	13,333,691,669
01.3	c.	33.c)	4,826,839,123	1,053,078,542
02	1.2	33.c)	9,542,892,865	-
03	1.3	33.c)	72,667,867,580	47,393,440,470
06	1.4		106,403,642,828	36,765,135,083
07	1.5		123,756,655,203	36,046,425,910
08	1.6		106,434,430	-
09	1.7		4,425,040,282	3,263,899,349
10	1.8		2,139,702,645	4,043,181,818
11	1.9	33.d)	5,656,131,937	2,500,570,952
20	Cộng doanh thu hoạt động		401,288,878,849	157,497,866,087
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	2.1		15,902,552,945	18,685,968,942
21.1	a.	33.a)	11,593,125,095	12,826,434,370
21.2	b.	33.b)	4,219,889,150	5,859,534,572
21.3	c.		89,538,700	-
24	2.2		20,020,824,901	8,912,442,006
26	2.3		5,512,254,079	144,302,539
27	2.4		49,516,520,473	22,423,836,471
28	2.5		86,778,637,440	22,213,600,000
30	2.6		2,324,867,486	1,931,399,275
31	2.7		603,850,000	842,636,364
32	2.8	34	4,689,939,116	8,507,086
40	Cộng chi phí hoạt động		185,349,446,440	75,162,692,683

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
41	3.1		-	5,486
50	Cộng doanh thu hoạt động tài chính		-	5,486
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	4.1		54,632	57,608
52	4.2		11,188,136,775	-
60	Cộng chi phí tài chính		11,188,191,407	57,608
62	VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	35	72,045,754,342	42,228,619,597
70	VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		132,705,486,660	40,106,501,685
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	8.1		335,021,430	63,532,305,859
72	8.2		233,193,793	63,637,875,826
80	Cộng kết quả hoạt động khác		101,827,637	(105,569,967)
90	IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		132,807,314,297	40,000,931,718
91	9.1		115,980,588,455	32,526,774,621
92	9.2		16,826,725,842	7,474,157,097
100	X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	38	27,721,557,062	5,765,677,504
100.1	10.1		24,356,211,894	5,765,677,504
100.2	10.2		3,365,345,168	-
200	XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		105,085,757,235	34,235,254,214

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
300	XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN			
301	12.1 Lãi/(Lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		47,079,982,998	19,635,260,327
400	Tổng thu nhập toàn diện		47,079,982,998	19,635,260,327
500	XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	13.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	39	1,663	784

Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		132,807,314,297	40,000,931,718
02	2. Điều chỉnh cho các khoản		31,755,241,139	9,683,515,994
03	- Khấu hao tài sản cố định		1,902,324,950	1,882,182,291
04	- Các khoản dự phòng		(4,580,833,044)	43,225,051
06	- Chi phí lãi vay		35,789,794,720	8,869,216,955
07	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(272,454,546)	(7,363,637)
08	- Dự thu tiền lãi		(1,083,590,941)	(1,103,744,666)
10	3. Tăng các chi phí phi tiền tệ		4,219,889,150	5,859,534,572
11	- Lỗ đánh giá giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		4,219,889,150	5,859,534,572
18	4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ		(21,046,614,992)	(13,333,691,669)
19	- Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(21,046,614,992)	(13,333,691,669)
30	5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(967,637,805,262)	(87,906,603,960)
31	- Tăng (giảm) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL		(453,867,487,037)	20,455,293,256
32	- Tăng (giảm) các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		(300,355,326,145)	-
33	- Tăng (giảm) các khoản cho vay		(520,961,171,345)	(102,940,413,000)
34	- Tăng (giảm) tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS		18,207,547,171	(23,989,430,173)
35	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu bán các tài sản tài chính		22,767,104,000	10,949,269,152
36	- (-) Tăng, (+) giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		(305,889,090)	-
37	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		9,731,611,363	12,034,098,313
39	- (-) Tăng, (+) giảm các khoản phải thu khác		(28,040,876)	(72,514)
40	- Tăng (giảm) các tài sản khác		(1,453,049,417)	(75,288,887)
41	- Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		14,084,802,312	(2,344,015,676)
42	- Tăng (giảm) chi phí trả trước		748,405,227	(2,120,130,525)
43	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(18,802,270,344)	(5,300,139,194)
44	- Lãi vay đã trả		(34,250,533,057)	(7,271,728,145)
45	- Tăng, (giảm) phải trả cho người bán		(9,427,625,285)	3,343,243,800
46	- Tăng, (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân		160,580,950	36,886,750
47	- Tăng, (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN)		5,599,020,553	251,691,868
48	- Tăng, (giảm) phải trả người lao động		18,992,219,105	7,127,320,958
50	- Tăng, (giảm) phải trả, phải nộp khác		281,629,206,653	1,881,810,057
51	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	55,000,000
52	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(106,910,000)	-
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(819,901,975,668)	(45,696,313,345)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ


Năm 2021
(Theo phương pháp gián tiếp)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
61	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư và các tài sản khác		(2,507,945,230)	(4,174,886,500)
62	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác		272,454,546	7,363,637
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(2,235,490,684)	(4,167,522,863)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
71	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		563,739,940,000	-
73	3. Tiền vay gốc		13,834,412,524,368	9,742,675,221,466
73.2	3.2 Tiền vay khác		13,834,412,524,368	9,742,675,221,466
74	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(13,630,150,134,197)	(9,653,071,801,462)
74.3	4.3 Tiền chi trả gốc nợ vay khác		(13,630,150,134,197)	(9,653,071,801,462)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		768,002,330,171	89,603,420,004
90	IV. Tăng (giảm) tiền thuần trong năm		(54,135,136,181)	39,739,583,796
101	V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		74,964,712,686	35,225,128,890
101.1	- Tiền		74,632,691,686	34,914,828,890
101.2	- Các khoản tương đương tiền		332,021,000	310,300,000
103	VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm		20,829,576,505	74,964,712,686
103.1	- Tiền		20,829,576,505	74,632,691,686
103.2	- Các khoản tương đương tiền		-	332,021,000

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG


Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
01	1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng		39,095,075,094,474	10,632,470,581,000
02	2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng		(37,119,581,705,392)	(10,644,016,134,200)
07	3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		6,017,091,287,244	2,207,805,082,792
08	4. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng		(7,667,481,924,542)	(2,098,921,696,740)
11	5. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng		(4,121,620,008)	(3,263,899,349)
14	6. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán		923,901,277,657	297,447,570,845
15	7. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán		(923,894,014,829)	(297,425,048,999)
20	Tăng/giảm tiền thuần trong năm		320,988,394,604	94,096,455,349
30	II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		448,599,984,947	354,503,529,598
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm:		448,599,984,947	354,503,529,598
32	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán		448,572,735,297	354,496,863,448
35	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		27,249,650	6,666,150
40	III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		769,588,379,551	448,599,984,947
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm:		769,588,379,551	448,599,984,947
42	- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán		769,555,125,451	448,572,735,297
45	- Tiền gửi của Tổ chức phát hành		33,254,100	27,249,650


Nguyễn Thị Tâm
Người lập


Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng




Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
Năm 2021

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối năm		
		01/01/2021		Năm 2020		31/12/2021		
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		397,000,000,000	397,000,000,000	-	603,439,880,000	-	397,000,000,000	1,000,439,880,000
1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		397,000,000,000	397,000,000,000	-	603,439,880,000	-	397,000,000,000	1,000,439,880,000
2. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		5,315,204,926	6,233,758,436	918,553,510	1,711,762,711	-	6,233,758,436	7,945,521,147
3. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		5,315,204,926	6,233,758,436	918,553,510	1,711,762,711	-	6,233,758,436	7,945,521,147
4. Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý		(9,200,000,000)	19,635,260,327	28,835,260,327	27,444,722,671	-	19,635,260,327	47,079,982,998
5. Lợi nhuận chưa phân phối		44,344,581,722	76,742,728,916	34,235,254,214	1,837,107,020	105,085,757,235	76,742,728,916	137,893,291,936
5.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		52,428,893,412	77,352,883,509	26,761,097,117	1,837,107,020	43,935,194,215	77,352,883,509	125,042,065,855
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện		(8,084,311,690)	(610,154,593)	7,474,157,097	-	13,461,380,674	(610,154,593)	12,851,226,081
TỔNG CỘNG		442,774,991,574	505,845,506,115	64,907,621,561	1,837,107,020	739,393,885,328	505,845,506,115	1,201,304,197,228

II. Thu nhập toàn diện khác

1. Lãi/lỗ từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán		(9,200,000,000)	19,635,260,327	28,835,260,327	27,444,722,671	-	19,635,260,327	47,079,982,998
TỔNG CỘNG		(9,200,000,000)	19,635,260,327	28,835,260,327	27,444,722,671	-	19,635,260,327	47,079,982,998



Nguyễn Thị Tâm
Người lập

Lê Thị Thu Hiền
Kế toán trưởng

Nhâm Hà Hải
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Đặc điểm hoạt động của Công ty Chứng khoán

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103013960 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26 tháng 09 năm 2006 và hoạt động theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 16/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 29 tháng 09 năm 2006, và các Giấy phép điều chỉnh do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp gồm: Giấy phép điều chỉnh số 178/UBCK-GP ngày 10 tháng 12 năm 2008, Giấy phép điều chỉnh số 365/UBCK-GP ngày 02 tháng 11 năm 2010, Giấy phép điều chỉnh số 19/GPĐC-UBCK ngày 26 tháng 02 năm 2018, Giấy phép điều chỉnh số 79/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 09 năm 2021, Giấy phép điều chỉnh số 21/GPĐC-UBCK ngày 18 tháng 02 năm 2022.

Trụ sở của Công ty tại: Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Điều lệ hoạt động của Công ty ban hành tháng 10 năm 2006 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào tháng 9 năm 2021.

Vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 1,000,439,880,000 đồng; tương đương 100,043,988 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10,000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

- Chi nhánh Công ty tại Thành Phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Huế;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hải Phòng;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Đà Nẵng;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Thái Bình;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Bắc Ninh;
- Chi nhánh Công ty tại Thành phố Vũng Tàu.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ kế toán đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán (thay thế cho Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008, Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13 tháng 06 năm 2000, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010); Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ tài chính, sửa đổi, bổ sung và thay thế phụ lục 02 và 04 của Thông tư 210/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi hoạt động của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn hoặc thu hồi không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành là khoản tiền gửi thu được do bán chứng khoán bảo lãnh phát hành tại ngân hàng thương mại chỉ định do Công ty thực hiện chức năng - Tổ chức bảo lãnh phát hành chứng khoán (bảo lãnh chính hoặc phụ) (kể cả tiền thu được từ các Đại lý bán chứng khoán) và tiền gửi thanh toán gốc, tiền lãi và cổ tức của Tổ chức phát hành.

Tiền gửi về bù trừ thanh toán giao dịch chứng khoán là số tiền sẵn sàng tham gia bù trừ và thanh toán của Công ty và khách hàng tại ngày T+x theo yêu cầu của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), được mở tại Ngân hàng chỉ định để thanh toán mua, bán chứng khoán theo kết quả đã bù trừ thuần (net).

Tiền gửi của Nhà đầu tư về mua bán chứng khoán được trình bày tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính (ngoại bảng).

2.4 . Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*a) Ghi nhận ban đầu**Tài sản tài chính*

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL), các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM), các khoản cho vay, các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) và các khoản phải thu. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) chỉ được xác định theo giá mua/chi phí phát hành.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

b) Nguyên tắc phân loại

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL): tài sản tài chính được phân loại theo FVTPL khi tài sản tài chính đó được nắm giữ cho mục đích mua vào, bán ra trên thị trường tài chính thông qua hoạt động nghiên cứu và phân tích với kỳ vọng sinh lời. Các loại tài sản tài chính được phân loại nhóm khác khi bán cần phân loại lại vào FVTPL.

Các tài sản tài chính FVTPL là công cụ nợ khi đáo hạn phải được chuyển sang ghi nhận là các khoản phải thu và lập dự phòng như một khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM): là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, có kỳ hạn là cố định mà Công ty có dự định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Sau ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM) được xác định theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Các khoản cho vay: là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo.

Các dạng cam kết cho vay được thực hiện:

- Hợp đồng giao dịch ký quỹ;
- Hợp đồng ứng trước tiền bán chứng khoán.

Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được xác định theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực, ngoại trừ: các khoản cho vay các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ; các công nợ tài chính phát sinh từ việc chuyển giao một tài sản tài chính không đủ điều kiện dừng ghi nhận hoặc khi phù hợp theo quy định về tiếp tục liên quan; các hợp đồng bảo lãnh tài chính.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS): là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Tài sản tài chính được Công ty đầu tư nhưng không có mục tiêu đầu tư ngắn hạn và kể cả mục tiêu dài hạn cũng chưa xác định được. Do vậy đây là loại tài sản tài chính hạn chế được phân loại trong hoạt động của Công ty.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ: là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh;
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ: là các khoản nợ phải trả tài chính không được xếp loại vào nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

c) *Nguyên tắc đánh giá lại các tài sản tài chính*

Việc đánh giá lại các tài sản tài chính FTVPL và AFS theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý được thực hiện theo phương pháp xác định giá trị phù hợp với quy định pháp luật. Trường hợp không có giá thị trường tại ngày giao dịch gần nhất, Công ty sử dụng giá trị hợp lý để đánh giá lại các tài sản tài chính. Giá trị hợp lý được xác định trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc, phương pháp hoặc mô hình lý thuyết định giá tài sản tài chính sau khi đã được Ban Tổng Giám đốc chấp thuận bằng văn bản.

Giá trị hợp lý/giá trị thị trường của tài sản tài chính được xác định theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC như sau:

- Giá trị thị trường của chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá trị thị trường được xác định là giá đóng cửa bình quân tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày đánh giá lại.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để đánh giá lại là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại.

Các chứng khoán không có giá tham khảo từ các nguồn trên sẽ được đánh giá khả năng và mức độ giảm giá dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại FVTPL được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ và được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động theo 02 chỉ tiêu: chỉ tiêu "Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá giảm) và chỉ tiêu "Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)" - Chi tiết "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ" (nếu đánh giá tăng).

Chênh lệch tăng hoặc giảm do đánh giá lại AFS được ghi nhận theo nguyên tắc không bù trừ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu của Báo cáo tình hình tài chính tại chỉ tiêu "Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý".

Các tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng được trích lập cho các khoản đầu tư này khi có bằng chứng khách quan cho thấy có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được của khoản đầu tư xuất phát từ một hoặc nhiều sự kiện tổn thất xảy ra ảnh hưởng xấu lên luồng tiền tương lai dự kiến. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm giá trị thị trường/giá trị hợp lý (nếu có) của khoản nợ bị suy giảm, các dấu hiệu về bên nợ hoặc nhóm các bên nợ đang gặp khó khăn về tài chính đáng kể, vỡ nợ hoặc trả nợ không đúng kỳ hạn các khoản lãi hoặc gốc, khả năng bên nợ bị phá sản hoặc có sự tái cơ cấu tài chính và các dữ liệu có thể quan sát cho thấy rằng có sự suy giảm có thể lượng hóa được các luồng tiền dự kiến trong tương lai, chẳng hạn như sự thay đổi về điều kiện trả nợ, tình hình tài chính gắn liền với khả năng vỡ nợ. Khi có bằng chứng về việc giảm giá trị, số dư dự phòng được trích lập được xác định trên cơ sở sự khác biệt giữa giá trị phân bổ và giá trị hợp lý tại thời điểm đánh giá. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

Các khoản cho vay được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng cho các khoản cho vay được trích lập dựa trên mức tổn thất ước tính, được tính bằng phần chênh lệch giữa giá trị thị trường của chứng khoán được dùng làm tài sản đảm bảo cho khoản cho vay và số dư của khoản cho vay đó. Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay".

2.5 . Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn phản ánh khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược bằng tiền của Công ty với các đối tượng trong hoạt động của Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan hiện hành. Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược không thuộc tài sản của Công ty, Công ty phải có trách nhiệm quản lý tách biệt với tài sản bằng tiền của Công ty.

2.6 . Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn

Phải thu bán các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ giá trị phải thu khi bán các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty (không qua các Sở Giao dịch Chứng khoán), kể cả giá trị đáo hạn của các tài sản tài chính hoặc thanh lý các tài sản tài chính này.

Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính: phản ánh toàn bộ các khoản phải thu và dự thu về cổ tức, tiền lãi của các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty.

Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp: phản ánh các khoản phải thu của Công ty với Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), với Nhà đầu tư là khách hàng của Công ty, với Tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán, các khoản phải thu từ các hoạt động kinh doanh giao dịch chứng khoán.

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu: được trích lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Từ ba (03) năm trở lên	100%

2.7 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị 03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải 10 năm
- Thiết bị văn phòng 04 - 06 năm
- Phần mềm giao dịch 03 - 08 năm
- Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn, do đó Công ty không trích khấu hao.

2.8 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10 . Các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản vay: phản ánh tình hình phát hành trái phiếu và thanh toán trái phiếu; phản ánh các khoản tiền vay tạm thời và tình hình trả nợ tiền vay của Công ty với Ngân hàng, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam, Quỹ Hỗ trợ thanh toán hoặc các đối tượng cho vay khác theo quy định về hoạt động vay áp dụng đối với công ty chứng khoán.

Các khoản phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán: phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phí hoạt động kinh doanh, dịch vụ chứng khoán cho Sở Giao dịch Chứng khoán, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD), phải trả đại lý phát hành chứng khoán của Công ty.

Các khoản phải trả tổ chức phát hành chứng khoán: phản ánh tình hình nhận và thanh toán khoản phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán về tiền bán chứng khoán bảo lãnh phát hành do Công ty thực hiện ở công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán chính hoặc phụ, kể cả trường hợp công ty bảo lãnh phát hành chứng khoán bán chứng khoán phát hành qua các đại lý.

2.11 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: tiền lương nghỉ phép, chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận hành, ... được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.13 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ, ...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Chênh lệch đánh giá lại tài sản theo giá trị hợp lý được phản ánh khi đánh giá lại các tài sản tài chính theo giá trị hợp lý. Tài sản được đánh giá lại bao gồm: tài sản tài chính sẵn sàng để bán; tài sản cố định; hoặc đánh giá lại tài sản khi có quyết định của Nhà nước về đánh giá lại tài sản (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối của Công ty bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện. Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối của Công ty lũy kế tính đến cuối năm trước là cơ sở để phân phối lợi nhuận cho chủ sở hữu. Lợi nhuận chưa thực hiện tính đến cuối năm trước không là cơ sở phân phối cho chủ sở hữu.

Lợi nhuận đã thực hiện là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty lũy kế phát sinh trong kỳ. Số lợi nhuận được sử dụng để phân phối cho các chủ sở hữu phải trừ đi số lỗ đã thực hiện lũy kế tính từ đầu kỳ này và số lỗ chưa thực hiện lũy kế tính đến thời điểm phân phối lãi cho chủ sở hữu. Việc phân phối lợi nhuận của Công ty cho chủ sở hữu phải đảm bảo rõ ràng, minh bạch và theo đúng quy định của pháp luật doanh nghiệp, chứng khoán và các pháp luật hiện hành khác có liên quan đối với công ty chứng khoán, điều lệ công ty chứng khoán, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Lợi nhuận đã thực hiện được phân phối thu nhập cho thành viên góp vốn hoặc cổ đông sau khi đã trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp tính trên khoản thu nhập được hưởng.

Công ty sử dụng lợi nhuận sau thuế đã thực hiện hàng năm để trích lập các quỹ theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2014 như sau:

Quỹ	Mức trích từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ dự trữ bắt buộc	5%	10% vốn điều lệ

2.15 . Doanh thu, thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập bán các tài sản tài chính tự doanh FVTPL được xác định là số chênh lệch giữa giá bán và giá vốn theo số lượng các tài sản tài chính FVTPL đã bán ra. Thu nhập bán các tài sản tài chính là thu nhập đã thực hiện.

Thu nhập do đánh giá tăng các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL theo giá trị hợp lý. Thu nhập đánh giá lại các tài sản tài chính thuộc danh mục tài sản tài chính FVTPL là thu nhập chưa thực hiện.

Thu nhập phát sinh từ các tài sản tài chính tự doanh FVTPL, HTM, các khoản cho vay bao gồm: lãi cho vay phát sinh từ các khoản cho vay phù hợp với quy định của Luật chứng khoán; cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ cổ phiếu, lãi trái phiếu; lãi phát sinh từ các khoản tiền gửi cố định.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính thuộc danh mục đầu tư của Công ty: FVTPL, HTM, AFS được ghi nhận khi công ty được quyền nhận cổ tức từ quyền sở hữu cổ phiếu đã được xác lập.

2.16 . Chi phí hoạt động và chi phí quản lý công ty

Chi phí được ghi nhận khi có khả năng làm giảm các lợi ích kinh tế tại thời điểm phát sinh hoặc có thể xác định được một cách chắc chắn phát sinh, không phân biệt đã được thanh toán hay chưa.

2.17 . Doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu tài chính bao gồm

- Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái;
- Doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng không cố định;
- Doanh thu đầu tư khác;
- Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm

- Chênh lệch lỗ tỷ giá hối đoái;
- Chi phí lãi vay;
- Chi phí tài chính khác (phí chuyển tiền, ...).

2.18 . Các khoản thuế

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi lập Báo cáo tình hình tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

- c) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021.

2.19 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

3 . GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm VND
Của Công ty Chứng khoán	106,122,421	33,579,509,953,743
- Cổ phiếu	17,697,740	258,676,264,748
- Trái phiếu	81,664,551	13,638,305,910,532
- Chứng khoán khác	6,760,130	19,682,527,778,463
Của nhà đầu tư	3,672,003,121	76,214,656,799,866
- Cổ phiếu	3,564,660,946	63,509,250,256,972
- Trái phiếu	66,403,052	8,491,975,286,109
- Chứng khoán khác	40,939,123	4,213,431,256,785
	3,778,125,542	109,794,166,753,609

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động Công ty	20,829,576,505	74,632,691,686
Các khoản tương đương tiền	-	332,021,000
	20,829,576,505	74,964,712,686

5 . CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH**a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	28,036,653,143	44,954,606,869	19,396,160,473	19,855,842,868
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	47,087,295,280	46,385,912,803	47,932,649,682	46,862,812,694
Trái phiếu niêm yết	14,084,135,298	14,084,135,298	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	435,747,660,042	435,747,660,042	3,759,446,571	3,759,446,571
	524,955,743,763	541,172,315,012	71,088,256,726	70,478,102,133

(*) Đối với cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết, do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý, theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNHTầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản HTL Việt Nam ⁽¹⁾	300,000,000,000	-
Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng trở lên ⁽²⁾	355,326,145	-
	300,355,326,145	-

(1) Bao gồm 3.000 trái phiếu (trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản) của Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Kinh doanh Bất động sản HTL Việt Nam, mệnh giá 100.000.000 đồng/trái phiếu, kỳ hạn 36 tháng từ ngày 29/06/2021 đến ngày 29/06/2024. Lãi suất 9,5%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh cộng biên độ cho các kỳ tính lãi tiếp theo.

(2) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 01 năm, được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất 5,7%/năm.

c) Các khoản cho vay

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Hoạt động margin	806,208,850,384	409,298,627,309
Hoạt động ứng trước tiền bán	202,217,891,227	78,166,942,957
	1,008,426,741,611	487,465,570,266

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

d) . Bảng tình hình biến động giá trị thị trường

	Giá mua		Giá thị trường		Chênh lệch đánh giá tăng		Chênh lệch đánh giá giảm		Giá trị đánh giá lại	
	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021	31/12/2021	01/01/2021
FVTPL	524,955,743,763	71,088,256,726	541,172,315,012	70,478,102,133	17,157,867,002	459,682,395	(941,295,753)	(1,069,836,988)	541,172,315,012	70,478,102,133
Cổ phiếu niêm yết	28,036,653,143	19,396,160,473	44,954,606,869	19,855,842,868	17,148,269,300	459,682,395	(230,315,574)	-	44,954,606,869	19,855,842,868
- SHIN	21,100,892,637	19,261,449,209	37,276,491,000	19,680,135,000	16,175,598,363	418,685,791	-	-	37,276,491,000	19,680,135,000
- VPB	3,613,816,564	320,609	3,409,305,600	487,500	-	166,891	(204,510,964)	-	3,409,305,600	487,500
- Cổ phiếu lẻ	3,321,943,942	134,390,655	4,268,810,269	175,220,368	972,670,937	40,829,713	(25,804,610)	-	4,268,810,269	175,220,368
Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	47,087,295,280	47,932,649,682	46,385,912,803	46,862,812,694	9,597,702	-	(710,980,179)	(1,069,836,988)	46,385,912,803	46,862,812,694
- BSR	-	850,208,903	-	495,000,000	-	-	-	(355,208,903)	-	495,000,000
- Công ty CP Giấy An Hòa	41,842,300,000	41,842,300,000	41,842,300,000	41,842,300,000	-	-	-	-	41,842,300,000	41,842,300,000
- Công ty CP Bất động sản Exim	3,230,000,000	3,230,000,000	3,230,000,000	3,230,000,000	-	-	-	-	3,230,000,000	3,230,000,000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam	957,605,000	957,605,000	957,605,000	957,605,000	-	-	-	-	957,605,000	957,605,000
- Khác	1,057,390,280	1,052,535,779	356,007,803	337,907,694	9,597,702	-	(710,980,179)	(714,628,085)	356,007,803	337,907,694
Trái phiếu niêm yết	14,084,135,298	-	14,084,135,298	-	-	-	-	-	14,084,135,298	-
- Trái phiếu Công ty cổ phần GLEXHOMES	14,084,135,298	-	14,084,135,298	-	-	-	-	-	14,084,135,298	-
Trái phiếu chưa niêm yết (*)	435,747,660,042	3,759,446,571	435,747,660,042	3,759,446,571	-	-	-	-	435,747,660,042	3,759,446,571
- Trái phiếu Geleximco	112,258,290,179	3,759,446,571	112,258,290,179	3,759,446,571	-	-	-	-	112,258,290,179	3,759,446,571
- Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	323,489,369,863	-	323,489,369,863	-	-	-	-	-	323,489,369,863	-
Tổng cộng	524,955,743,763	71,088,256,726	541,172,315,012	70,478,102,133	17,157,867,002	459,682,395	(941,295,753)	(1,069,836,988)	541,172,315,012	70,478,102,133

(*) Đối với các cổ phiếu và trái phiếu chưa niêm yết, do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý, theo đó giá trị hợp lý được ước tính bằng giá gốc của khoản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Thông tin chi tiết về trái phiếu:

Tổ chức phát hành	Tên trái phiếu	Số lượng	Mệnh giá	Kỳ hạn	Loại trái phiếu	Lãi suất
Công ty Cổ phần Glexhomes	GLHI21019	131,500	100,000	36 tháng từ ngày 17/05/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền và được tự do chuyển nhượng	Cố định 9,5%/năm
Công ty Cổ phần Glexhomes	GLHI21026	20,000	100,000	36 tháng từ ngày 05/10/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo, không kèm theo chứng quyền và được tự do chuyển nhượng	Cố định 9,5%/năm
Trái phiếu chưa niêm yết						
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	GELEXIMCO.BOND.2020.2023	591	100,000,000	36 tháng từ ngày 29/10/2020	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo	Cố định 9,5%/năm
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	GLXCH2123001	1,899	10,000,000	24 tháng từ ngày 10/11/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, không có tài sản đảm bảo	Cố định 9,5%/năm
Tập đoàn Geleximco - Công ty CP	GLXCH2124002	3,211	10,000,000	36 tháng từ ngày 10/11/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản	Lãi suất 10%/năm cho 02 (hai) kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh công biên độ cho các kỳ tính lãi tiếp theo
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	DRGCH2124003	2,810	100,000,000	36 tháng từ ngày 01/09/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản	Lãi suất 9,8%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh công biên độ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	DRGCH2124004	417	100,000,000	36 tháng từ ngày 25/10/2021	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản	Lãi suất 9,8%/năm cho kỳ tính lãi đầu tiên, điều chỉnh công biên độ cho các kỳ tính lãi tiếp theo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

6 . DỰ PHÒNG SUY GIẢM GIÁ TRỊ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN NHẬN THẾ CHẤP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay	13,970,236,377	18,551,069,421
Tại ngày 31/12	13,970,236,377	18,551,069,421

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải thu bán các khoản đầu tư	-	22,767,104,000
Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	305,889,090	-
Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	27,777,984,264	2,637,355,973
- Phải thu hoạt động môi giới chứng khoán	1,390,282,667	1,390,282,667
- Phải thu hoạt động bảo lãnh phát hành chứng khoán	24,873,971,399	80,000,000
- Phải thu hoạt động lưu ký chứng khoán	1,416,569,380	1,113,149,106
- Phải thu các dịch vụ khác	97,160,818	53,924,200
Phải thu khác	2,038,754,943	2,010,714,067
- Phải thu khác	2,038,754,943	2,010,714,067
	30,122,628,297	27,415,174,040

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

8 . DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	Giá trị phải thu khó đòi	Năm nay		Năm trước	
		Số đầu năm	Số trích lập	Số hoán nhập	Số cuối năm
		VND	VND	VND	VND
Dự phòng khó đòi nợ phải thu khác	4,934,419,600	(3,517,850,220)	-	-	(3,517,850,220)
- Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	1,416,569,380	-	-	-	-
- Nguyễn Hoài Anh	1,390,282,667	(1,390,282,667)	-	(1,390,282,667)	(1,390,282,667)
- Mai Mỹ Trang	1,186,912,000	(1,186,912,000)	-	(1,186,912,000)	(1,186,912,000)
- Khách hàng khác	940,655,553	(940,655,553)	-	(940,655,553)	(940,655,553)
	4,934,419,600	(3,517,850,220)	-	-	(3,517,850,220)

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê văn phòng	534,799,419	495,352,000
Chi phí tư vấn đại lý phát hành trái phiếu SSC	-	1,800,000,000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,050,099,930	363,036,336
Chi phí trả trước về thi công nội thất VP	811,533,350	238,058,875
Chi phí trả trước về cước đường truyền, cước điện thoại,...	727,178,230	890,800,517
Chi phí tư vấn sản phẩm CCQ mở trái phiếu ABBF	120,068,000	180,102,000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	19,456,242	44,190,670
	3,263,135,171	4,011,540,398

10 . CẦM CỐ, THẺ CHẤP, KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC DÀI HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đặt cọc thuê văn phòng	871,015,000	769,105,000
Cầm cố, thẻ chấp, ký quỹ, ký cược khác	36,153,200	31,153,200
	907,168,200	800,258,200

11 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu khách hàng hợp đồng chuyển nhượng bất động sản (*)	63,500,000,000	63,500,000,000
Phải thu khách hàng khác	116,926,000	116,926,000
Phải thu Bảo hiểm thất nghiệp	4,526,650	-
Phải thu khác	255,849,272	-
	63,877,301,922	63,616,926,000

(*) Phải thu bà Vũ Thị Hương tiền chuyển nhượng đất nền số 401, đường số 16, khu B - dự án An Phú An Khánh theo hợp đồng công chứng số 038430, quyền số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/12/2020. Thời hạn thanh toán theo quy định của hợp đồng là ngày 25/12/2020, được gia hạn đến quý 02/2022.

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Cổ phiếu niêm yết	25,781,883,002	72,861,866,000	43,989,430,173	63,624,690,500
- Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực	-	-	18,207,547,171	18,914,000,000
- Ngân hàng TMCP An Bình (*)	25,781,883,002	72,861,866,000	25,781,883,002	44,710,690,500
	25,781,883,002	72,861,866,000	43,989,430,173	63,624,690,500

(*) Tại ngày 31/12/2021, Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đang nắm giữ 3.311.903 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP An Bình, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu này được Công ty phân loại là Tài sản tài chính AFS với mục đích đầu tư dài hạn. Giá trị chênh lệch khoản đầu tư AFS dài hạn được ghi nhận vào chênh lệch đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày 31/12/2021.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2021	220,000,001	15,689,968,433	3,270,153,000	19,180,121,434
Mua trong năm	-	1,763,445,230	-	1,763,445,230
Thanh lý, nhượng bán	-	(986,841,000)	-	(986,841,000)
Tại ngày 31/12/2021	220,000,001	16,466,572,663	3,270,153,000	19,956,725,664
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2021	220,000,001	12,351,719,079	1,472,576,762	14,044,295,842
Khấu hao trong năm	-	946,685,524	149,241,096	1,095,926,620
Thanh lý, nhượng bán	-	(986,841,000)	-	(986,841,000)
Tại ngày 31/12/2021	220,000,001	12,311,563,603	1,621,817,858	14,153,381,462
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2021	-	3,338,249,354	1,797,576,238	5,135,825,592
Tại ngày 31/12/2021	-	4,155,009,060	1,648,335,142	5,803,344,202

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm giao dịch, kế toán	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2021	61,500,000,000	32,496,618,798	93,996,618,798
Mua trong năm	-	620,000,000	620,000,000
Nghiệm thu đưa vào sử dụng	-	169,500,000	169,500,000
Tại ngày 31/12/2021	61,500,000,000	33,286,118,798	94,786,118,798
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2021	-	29,320,145,233	29,320,145,233
Khấu hao trong năm	-	806,398,330	806,398,330
Tại ngày 31/12/2021	-	30,126,543,563	30,126,543,563
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2021	61,500,000,000	3,176,473,565	64,676,473,565
Tại ngày 31/12/2021	61,500,000,000	3,159,575,235	64,659,575,235

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản cố định này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng đối với công ty chứng khoán chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

15 . TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	120,000,000	120,000,000
Tiền nộp bổ sung	15,737,629,185	14,741,322,249
Tiền lãi phân bổ trong năm	3,779,803,404	2,696,212,463
Số dư cuối năm	19,637,432,589	17,557,534,712

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

16 . VAY VÀ NỢ

	01/01/2021		Số vay trong năm		Số trả trong năm		31/12/2021	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	247,793,609,829	13,765,512,524,368	(13,618,130,134,197)		395,176,000,000			
Ngân hàng TMCP An Bình ⁽¹⁾	247,793,609,829	13,570,506,524,368	(13,468,300,134,197)		350,000,000,000			
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN Hà Nội	-	49,000,000,000	(49,000,000,000)		-			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	60,000,000,000	(60,000,000,000)		-			
Đối tượng khác ⁽²⁾	-	86,006,000,000	(40,830,000,000)		45,176,000,000			
	247,793,609,829	1.37655E+13	-1.36181E+13		395,176,000,000			

(1) Hợp đồng hạn mức số 3632/20/TD-TT/II ngày 23/06/2021 với hạn mức vay là 350.000.000.000 đồng và Hợp đồng sửa đổi bổ sung Hợp đồng cho vay hạn mức số 8466/21/PLTD/TT-II ngày 25/06/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Ngân hàng cho vay số tiền: 350 tỷ VND;
- + Mục đích vay: Tài trợ, bồi đắp/ bồi hoàn: Vốn kinh doanh trái phiếu chính phủ bảo lãnh; Tài trợ chi phí hoạt động; Vốn kinh doanh trái phiếu chính phủ, Vốn kinh doanh trái phiếu chính quyền địa phương; Vốn kinh doanh chứng chỉ tiền gửi, tín phiếu kho bạc;
- + Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Thời hạn rút vốn là 12 tháng kể từ ngày 23/06/2021;
- + Lãi suất cho vay: theo từng giấy nhận nợ. Lãi suất năm 2021 là 6,15%/năm;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: khoản vay được đảm bảo bằng Hợp đồng mua bán giấy tờ có giá số 24062022/HDMBTPCP/ABS-ABB ký ngày 24 tháng 06 năm 2021 với mã Trái phiếu là TD19291778 và TD192977; Giá trị tài sản đảm bảo là 380.396.100.000 đồng.

(2) Vay các đối tượng khác theo các hợp đồng quản lý tiền gửi qua tài khoản giao dịch chứng khoán: Thời hạn của hợp đồng từ 01 đến 12 tháng với mức lãi suất quy định chi tiết tại từng hợp đồng.

17 . TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH

Trái phiếu thường

	31/12/2021			01/01/2021		
	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn	Giá trị	Lãi suất	Kỳ hạn
	VND	%		VND	%	
Trái phiếu phát hành	128,802,000,000			71,922,000,000		
- ABS.BOND.2020 ⁽¹⁾	59,902,000,000	9.5%	36 tháng	71,922,000,000	9.5%	36 tháng
- ABSCH2123001 ⁽²⁾	68,900,000,000	9.5%	24 tháng			
	128,802,000,000			71,922,000,000		

(1) Trái phiếu phát hành riêng lẻ năm 2020 (ABS.BOND.2020) với mệnh giá 1.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 03 năm, lãi suất cố định là 9,5%/năm. Trái phiếu không chuyển đổi, không có tài sản đảm bảo.

(2) Trái phiếu phát hành năm 2021 (ABSCH2123001) với mệnh giá là 100.000.000 đồng/trái phiếu, thời hạn 02 năm kể từ ngày phát hành 07/10/2021, lãi suất cố định là 9,5%/năm. Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền và không có tài sản đảm bảo.

18 . PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	2,087,110,898	1,042,139,157
Phải trả về tiền mua CP phát hành thêm	2,109,326,000	-
Phải trả hoa hồng cộng tác viên	2,793,799,982	1,104,141,061
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	237,833,020	206,858,927
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	1,202,703,300	1,037,765,833
	8,430,773,200	3,390,904,978

19 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ứng trước hợp đồng tư vấn	125,600,000	165,600,000
Ứng trước tiền hợp đồng mua bán chứng chỉ tiền gửi	-	12,040,326,000
Ứng trước tiền hoa hồng phân phối chứng chỉ quỹ	-	180,102,000
Ứng trước hoạt động môi giới chứng khoán	10,891,700	-
Ứng trước tiền mua trái phiếu	47,181,758,791	-
Ứng trước dịch vụ khác	-	59,982,837
	47,318,250,491	12,446,010,837

20 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7,342,479,120	1,788,537,570
Thuế Thu nhập cá nhân	6,679,504,561	2,270,585,417
	14,021,983,681	4,059,122,987

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

21 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4,788,851,228	3,249,589,565
Chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành trái phiếu	12,893,636,561	-
Chi phí hoạt động công ty chứng khoán	1,663,374,517	472,208,766
	19,345,862,306	3,721,798,331

22 . NHẬN KÝ QUỸ, KÝ CƯỢC NGẮN HẠN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nhận đặt cọc thuê đất	66,000,000	66,000,000
Nhận đặt cọc dịch vụ chứng khoán	90,000,000	90,000,000
	156,000,000	156,000,000

23 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả Ngân hàng TMCP An Bình ⁽¹⁾	269,948,294,941	-
Phải trả gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư ⁽²⁾	3,440,996,861	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2,867,760,001	401,011,542
	276,257,051,803	401,011,542

(1) Khoản phải trả Ngân hàng TMCP An Bình liên quan đến khoản hỗ trợ tín dụng cho khách hàng theo thỏa thuận hợp tác giữa Ngân hàng và Công ty chứng khoán.

(2) Khoản phải trả tiền lãi và gốc cho Nhà đầu tư khi mua Trái phiếu của Tập đoàn Geleximco - Công ty CP do Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình làm Đại lý, tư vấn phát hành trái phiếu.

24 . VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

a) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2021 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2021 VND
Tập đoàn Geleximco - CTCP	46.36%	463,795,170,000	43.50%	172,705,620,000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Thái Bình	4.34%	43,382,380,000	9.93%	39,438,530,000
Ông Chu Văn Mân	9.55%	95,541,800,000	9.50%	37,715,000,000
Ông Nguyễn Văn Anh	6.76%	67,639,180,000	6.76%	26,840,950,000
Ông Vũ Đức Chính	10.85%	108,540,710,000	5.20%	20,650,000,000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	3.83%	38,326,300,000	9.57%	38,002,500,000
Bà Vũ Thị Minh Trang	8.37%	83,768,500,000	0.00%	-
Vốn góp của cổ đông (dưới 5%)	9.94%	99,445,840,000	15.53%	61,647,400,000
	100%	1,000,439,880,000	100%	397,000,000,000

b) Lợi nhuận chưa phân phối

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	125,042,065,855	77,352,883,509
Lợi nhuận chưa thực hiện	12,851,226,081	(610,154,593)
	137,893,291,936	76,742,728,916

c) Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	77,352,883,509	52,428,893,412
Lỗ/lãi chưa thực hiện tính đến cuối năm tài chính	12,851,226,081	(610,154,593)
Lỗ/lãi đã thực hiện năm này tính từ đầu năm	91,624,376,561	26,761,097,117
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn tính đến cuối năm tài chính	168,977,260,070	79,189,990,529
Số lợi nhuận phân phối	(43,935,194,215)	(1,837,107,020)
- Trích Quỹ dự trữ điều lệ	(1,711,762,711)	(918,553,510)
- Trích Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(1,711,762,711)	(918,553,510)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	(811,728,793)	-
- Trả cổ tức bằng cổ phiếu	(39,699,940,000)	-
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối tính đến cuối năm	125,042,065,855	77,352,883,509

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1,000,439,880,000	397,000,000,000
- Vốn góp đầu năm	397,000,000,000	397,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	603,439,880,000	-
- Vốn góp cuối năm	1,000,439,880,000	397,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	39,699,940,000	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	39,699,940,000	-

1. Thông tin phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15/NQ-ĐHĐCĐ2021 ngày 15/04/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã thông qua phương án phát hành, chào bán cổ phiếu phổ thông để tăng vốn điều lệ trong năm 2021. Trong đó, phát hành cổ phiếu để trả cổ tức 10% với giá trị phát hành 39,7 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu) và chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu với giá trị chào bán 563,74 tỷ đồng (tính theo mệnh giá cổ phiếu).

Theo Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 405/ABS-CF2021 ngày 25/08/2021 và Báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu số 406/ABS-CF2021 ngày 25/08/2021, kết quả phát hành như

a) Kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức

- Tổng số cổ phiếu phát hành: 3.970.000 cổ phiếu, trong đó:
+ Số cổ phiếu phân phối cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ: 3.969.994 cổ phiếu cho 54 cổ đông;
+ Số cổ phiếu xử lý phần lẻ cổ phần, cổ phiếu lẻ: 06 cổ phiếu;
- Tổng vốn tăng từ việc phát hành cổ phiếu để trả cổ tức: 39.699.940.000 đồng.

b) Kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu

- Tổng số lượng cổ phiếu chào bán thành công: 56.373.994 cổ phiếu, tương ứng 563.739.940.000 đồng;
- Tổng vốn tăng từ việc phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu: 563.739.940.000 đồng.

2. Thông tin về tình hình sử dụng vốn

Quyết định Hội đồng quản trị số 30/QĐ-HĐQT2021 ngày 07/06/2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình đã thông qua phương án chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Theo đó, với tổng số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến là 56.374.000 cổ phiếu, tương ứng tiền thu về sau đợt chào bán là 563.740.000.000 đồng, công ty sẽ sử dụng toàn bộ vốn huy động từ đợt phát hành để bổ sung vốn lưu động, tăng cường vị thế và năng lực tài chính, đăng ký, triển khai và mở rộng phạm vi các nghiệp vụ hoạt động của Công ty.

Theo kết quả phát hành cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu, tổng số tiền thu về từ đợt chào bán là 563.739.940.000 đồng. Công ty đã sử dụng số tiền thu về từ đợt chào bán để mua trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương với số tiền 460 tỷ đồng, phần tiền thu về còn lại được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, theo Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình về phê duyệt phương án sử dụng nguồn sau tăng vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

e) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	100,043,988	39,700,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	100,043,988	39,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100,043,988</i>	<i>39,700,000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100,043,988	39,700,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>100,043,988</i>	<i>39,700,000</i>
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10,000	10,000

25 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	37,406,940,000	24,872,510,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	-	630,000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	-	23,153,100,000
Tài sản tài chính chờ thanh toán	7,950,000,000	50,000,000
	45,356,940,000	48,076,240,000

26 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH CHƯA LƯU KÝ TẠI VSD CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty	780,685,550,000	18,128,730,000
	780,685,550,000	18,128,730,000

27 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH NIÊM YẾT/ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	6,172,155,240,000	4,696,002,620,000
Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	423,269,470,000	73,189,430,000
Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	728,649,950,000	1,390,022,920,000
Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	49,610,000,000	-
Tài sản tài chính chờ thanh toán	207,677,000,000	103,598,510,000
	7,581,361,660,000	6,262,813,480,000

28 . TÀI SẢN TÀI CHÍNH ĐÃ LƯU KÝ TẠI VSD VÀ CHƯA GIAO DỊCH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	31,426,930,000	15,577,650,000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, hạn chế chuyển nhượng	21,000,000	-
	31,447,930,000	15,577,650,000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

29 . TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	769,555,125,451	448,572,735,297
1. Nhà đầu tư trong nước	763,285,946,981	448,568,409,749
2. Nhà đầu tư nước ngoài	6,269,178,470	4,325,548
Tiền gửi của tổ chức phát hành	33,254,100	27,249,650
1. Tiền gửi thanh toán cổ tức của tổ chức phát hành	33,254,100	27,249,650
	769,588,379,551	448,599,984,947

30 . PHẢI TRẢ NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả Nhà đầu tư - Tiền gửi của Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	769,555,125,451	448,572,735,297
1.1. Nhà đầu tư trong nước	763,285,946,981	448,568,409,749
1.2. Nhà đầu tư nước ngoài	6,269,178,470	4,325,548
	769,555,125,451	448,572,735,297

31 . PHẢI TRẢ CỔ TỨC, GỐC VÀ LÃI TRÁI PHIẾU

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu cho Nhà đầu tư	33,254,100	27,249,650
	33,254,100	27,249,650

32 . PHẢI TRẢ VAY CÔNG TY CHỨNG KHOÁN CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
1. Phải trả nghiệp vụ margin	806,208,850,384	409,298,627,309
1.1 Phải trả gốc margin	806,208,850,384	409,298,627,309
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>806,208,850,384</i>	<i>409,298,627,309</i>
2. Phải trả nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	202,217,891,227	78,166,942,957
2.1 Phải trả gốc nghiệp vụ ứng trước tiền bán chứng khoán	202,217,891,227	78,166,942,957
<i>Nhà đầu tư trong nước</i>	<i>202,217,891,227</i>	<i>78,166,942,957</i>
	1,008,426,741,611	487,465,570,266

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

33 . THU NHẬP

a) Lãi, lỗ bán các tài sản tài chính

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Tổng giá vốn		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm nay		Lãi, lỗ bán chứng khoán năm trước	
			VND	VND	Lãi	Lỗ	Lãi	Lỗ
Cổ phiếu niêm yết	5,393,444	65,484,303,600	62,681,675,356	4,311,130,050	1,508,501,798	162,452,499	9,446,806,311	
Cổ phiếu chưa niêm yết	3,854,499	77,014,699,992	71,857,806,974	5,589,117,647	432,224,629	-	976,623,550	
Trái phiếu	37,522,080	6,306,739,568,772	6,284,050,045,038	32,341,922,402	9,652,398,668	2,955,932,820	2,403,004,509	
Tài sản tài chính khác	3,505,565	9,846,193,153,664	9,837,718,266,799	8,474,886,865	-	9,980,056,975	-	
		16,295,431,726,028	16,256,307,794,167	50,717,056,964	11,593,125,095	13,098,442,294	12,826,434,370	

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

b) . Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính

	Giá trị mua theo số kế toán VND	Giá trị thị trường/ Giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 31/12/2021		Chênh lệch đánh giá lại tại ngày 01/01/2021		Chênh lệch điều chỉnh số kế toán	
			Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND	Đánh giá tăng VND	Đánh giá giảm VND
FVTPL	524,955,743,763	541,172,315,012	17,157,867,002	(941,295,753)	459,682,395	(1,069,836,988)	21,046,614,992	(4,219,889,150)
Cổ phiếu niêm yết	28,036,653,143	44,954,606,869	17,148,269,300	(230,315,574)	459,682,395	-	20,671,309,481	(4,213,038,150)
- SHN	21,100,892,637	37,276,491,000	16,175,598,363	-	418,685,791	-	19,438,163,000	(3,681,250,429)
- VPB	3,613,816,564	3,409,305,600	-	(204,510,964)	166,891	-	6,694,890	(211,205,854)
- Cổ phiếu lẻ khác	3,321,943,942	4,268,810,269	972,670,937	(25,804,610)	40,829,713	-	1,226,451,591	(320,581,867)
Cổ phiếu chưa niêm yết	47,087,295,280	46,385,912,803	9,597,702	(710,980,179)	-	(1,069,836,988)	375,305,511	(6,851,000)
- BSR	-	-	-	-	-	(355,208,903)	355,208,903	-
- Công ty CP Giấy An Hòa	41,842,300,000	41,842,300,000	-	-	-	-	-	-
- Công ty CP Bất động sản Exim	3,230,000,000	3,230,000,000	-	-	-	-	-	-
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	957,605,000	957,605,000	-	-	-	-	-	-
- Khác	1,057,390,280	356,007,803	9,597,702	(710,980,179)	-	-	20,096,608	(6,851,000)
Trái phiếu niêm yết	14,084,135,298	14,084,135,298	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu Công ty cổ phần GLEXHOMES	14,084,135,298	14,084,135,298	-	-	-	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	435,747,660,042	435,747,660,042	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu Geleximco	112,258,290,179	112,258,290,179	-	-	-	-	-	-
- Trái phiếu của Công ty CP Đầu tư và Du lịch Vạn Hương	323,489,369,863	323,489,369,863	-	-	-	-	-	-
	524,955,743,763	541,172,315,012	17,157,867,002	(941,295,753)	459,682,395	(1,069,836,988)	21,046,614,992	(4,219,889,150)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

c) Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, các khoản cho vay, HTM, AFS

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	4,826,839,123	1,053,078,542
Từ tài sản tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	9,542,892,865	-
Từ các khoản cho vay	72,667,867,580	47,393,440,470
	87,037,599,568	48,446,519,012

d) Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu nhập hoạt động khác	5,656,131,937	2,500,570,952
<i>Trong đó:</i>		
- Doanh thu cho thuê tài sản	485,454,545	475,909,091
- Doanh thu khác	5,170,677,392	2,024,661,861
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Thu nhập thuần hoạt động khác	5,656,131,937	2,500,570,952

34 . CHI PHÍ NGOÀI CHI PHÍ CÁC TÀI SẢN TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ khác	4,689,939,116	8,507,086
- Chi phí dịch vụ tài chính khác	7,314,268	-
- Chi phí hoàn thuế, phí của nhà đầu tư	4,681,624,848	-
- Chi phí dịch vụ khác	1,000,000	8,507,086
	4,689,939,116	8,507,086

35 . CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí lương và các khoản theo lương	52,947,492,521	26,576,174,332
Chi phí công cụ, dụng cụ, vật tư, văn phòng phẩm	2,487,887,191	1,398,930,402
Chi phí khấu hao TSCĐ, BĐSĐT	1,902,324,950	1,882,182,291
Chi phí thuế, phí và lệ phí	10,746,000	11,346,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14,661,959,680	12,359,986,572
Chi phí khác	35,344,000	-
	72,045,754,342	42,228,619,597

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

36 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	272,454,546	63,507,363,637
Các khoản khác	62,566,884	24,942,222
	335,021,430	63,532,305,859

37 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	-	63,500,000,000
Các khoản khác	233,193,793	137,875,826
	233,193,793	63,637,875,826

38 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	132,807,314,297	40,000,931,718
Các khoản điều chỉnh tăng	11,875,417,765	1,827,057,565
- Chi phí không hợp lệ	7,655,528,615	1,827,057,565
- Lỗi do đánh giá lại các tài sản tài chính	4,219,889,150	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(22,901,672,592)	(644,578,542)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(1,855,057,600)	(644,578,542)
- Lãi do đánh giá lại các tài sản tài chính	(21,046,614,992)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	121,781,059,470	41,183,410,741
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất năm hiện hành	24,356,211,894	8,236,682,148
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	(2,471,004,644)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24,356,211,894	5,765,677,504

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1,788,537,570	1,322,999,260
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(18,802,270,344)	(5,300,139,194)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	7,342,479,120	1,788,537,570

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	3,365,345,168	-
	3,365,345,168	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả hoạt động		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3,365,345,168	-
	3,365,345,168	-

39 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	105,085,757,235	34,235,254,214
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	105,085,757,235	34,235,254,214
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	63,184,069	43,669,994
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,663	784

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế tại mỗi thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu do Công ty thực hiện phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

40 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,829,576,505	-	74,964,712,686	-
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	541,172,315,012	-	70,478,102,133	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300,355,326,145	-	-	-
Các khoản cho vay	1,008,426,741,611	(13,970,236,377)	487,465,570,266	(18,551,069,421)
Các khoản phải thu	30,122,628,297	(3,517,850,220)	27,415,174,040	(3,517,850,220)
Đầu tư dài hạn	72,861,866,000	-	63,624,690,500	-
	1,973,768,453,570	(17,488,086,597)	723,948,249,625	(22,068,919,641)

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Vay và nợ	523,978,000,000	319,715,609,829
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	285,130,408,773	5,613,562,395
Chi phí phải trả	19,345,862,306	3,721,798,331
	828,454,271,079	329,050,970,555

Theo quy định tại Thông tư 210/2009/TT-BTC, Thông tư 146/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC, tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư, bán chứng khoán tự doanh. Tại mỗi kỳ lập báo cáo, Công ty đánh giá rủi ro căn cứ vào tình hình thị trường: giá cổ phiếu, mức độ nắm giữ, trạng thái nắm giữ. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,829,576,505	-	-	20,829,576,505
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	300,355,326,145	-	-	300,355,326,145
Các khoản cho vay	994,456,505,234	-	-	994,456,505,234
Các khoản phải thu	26,604,778,077	-	-	26,604,778,077
	1,342,246,185,961	-	-	1,342,246,185,961

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản trương đương tiền	74,964,712,686	-	-	74,964,712,686
Các khoản cho vay	468,914,500,845	-	-	468,914,500,845
Các khoản phải thu	23,897,323,820	-	-	23,897,323,820
	567,776,537,351	-	-	567,776,537,351

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2021				
Vay và nợ	395,176,000,000	128,802,000,000	-	523,978,000,000
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	285,130,408,773	-	-	285,130,408,773
Chi phí phải trả	19,345,862,306	-	-	19,345,862,306
	699,652,271,079	128,802,000,000	-	828,454,271,079

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021				
Vay và nợ	247,793,609,829	71,922,000,000	-	319,715,609,829
Phải trả người bán, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán và phải trả khác	5,613,562,395	-	-	5,613,562,395
Chi phí phải trả	3,721,798,331	-	-	3,721,798,331
	257,128,970,555	71,922,000,000	-	329,050,970,555

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

42 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

43 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

	Hoạt động môi giới, lưu ký chứng khoán VND	Hoạt động đầu tư tư doanh VND	Hoạt động bảo lãnh, đại lý phát hành CK VND	Các hoạt động khác VND	Tổng cộng các bộ phần VND	Loại trừ VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu hoạt động	110,828,683,110	76,590,511,079	123,756,655,203	90,113,029,457	401,288,878,849	-	401,288,878,849
Chi phí hoạt động	51,841,387,959	41,435,631,925	86,778,637,440	5,293,789,116	185,349,446,440	-	185,349,446,440
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	83,233,945,749	-	83,233,945,749
Kết quả hoạt động	58,987,295,151	35,154,879,154	36,978,017,763	84,819,240,341	132,705,486,660	-	132,705,486,660
Tài sản bộ phận trực tiếp	22,444,284,636	614,340,070,102	24,873,971,399	1,294,811,831,379	1,956,470,157,516	-	1,956,470,157,516
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	167,183,807,037	-	167,183,807,037
Tổng tài sản	22,444,284,636	614,340,070,102	24,873,971,399	1,294,811,831,379	2,123,653,964,553	-	2,123,653,964,553
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	8,430,773,200	-	12,893,636,561	797,367,291,802	818,691,701,563	-	818,691,701,563
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	103,658,065,762	-	103,658,065,762
Tổng nợ phải trả	8,430,773,200	-	12,893,636,561	797,367,291,802	922,349,767,325	-	922,349,767,325
Theo khu vực địa lý							

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

44 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Mối quan hệ	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vay vốn		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	13,570,506,524,368	9,620,815,221,466
Trả vốn vay		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	13,468,300,134,197	9,572,913,801,462
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	10,561,397,260	4,007,346,329
Doanh thu		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư An Bình (*)	319,090,909	30,000,000
Tập đoàn Geleximco- Công ty CP (*)	3,134,745,146	30,274,142,780
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	863,845,671	426,489,255
Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:		
Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu, góp vốn		
Công ty Cổ phần Giấy An Hòa (*)	41,842,300,000	41,842,300,000
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	25,781,883,002	25,781,883,002
Đầu tư trái phiếu		
Tập đoàn Geleximco- Công ty CP (*)	112,258,290,179	3,759,446,571
Phải trả tiền vay		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	350,000,000,000	247,793,609,829
Kỹ quỹ ký cược		
Tập đoàn Geleximco- Công ty CP (*)	757,215,000	655,305,000
Phải thu phí lưu ký		
Tập đoàn Geleximco- Công ty CP (*)	48,975,975	10,517,773
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	4,064,694	6,010,133
Phải thu khác		
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	14,243,233	-
Phải trả khác		
Tập đoàn Geleximco- Công ty CP (*)	3,440,996,861	-
Ngân hàng TMCP An Bình (*)	269,948,294,941	-

(*) Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty hoặc người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị của các đơn vị này. Quan hệ với các bên liên quan không nhất thiết thuộc quan hệ giữa các bên liên kết theo nghị định NĐ 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

Tầng 16, Tòa nhà Geleximco, Số 36 Phố Hoàng Cầu,
Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Ngoài các thông tin về các bên liên quan đã được trình bày ở trên, giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Chức danh	Năm 2021	Năm 2020	
	VND	VND	
Lương và thù lao	2,547,090,909	1,183,000,000	
Hội đồng Quản trị	1,279,272,728	337,000,000	
Vũ Văn Tiền	Chủ tịch HĐQT	461,818,182	120,000,000
Nguyễn Thị Hương	Ủy viên HĐQT	-	24,500,000
Lê Việt Hà	Ủy viên HĐQT	170,909,091	-
Nguyễn Thị Nga	Ủy viên HĐQT	170,909,091	-
Trần Kim Khánh	Ủy viên HĐQT	195,090,909	84,000,000
Trương Ngọc Lân	Ủy viên HĐQT	-	24,500,000
Vũ Thị Hương	Ủy viên HĐQT	280,545,455	84,000,000
Ban Kiểm soát	439,818,181	192,000,000	
Chu Thị Hương	Trưởng ban	234,363,636	72,000,000
Vũ Thị Hương Trà	Thành viên	17,272,727	60,000,000
Nguyễn Minh Quang	Thành viên	17,272,727	60,000,000
Nguyễn Thị Dịu	Thành viên	85,454,546	-
Phạm Thị Bích Ngọc	Thành viên	85,454,545	-
Ban Tổng Giám đốc	828,000,000	654,000,000	
Trương Ngọc Lân	Tổng Giám đốc	276,000,000	276,000,000
Chu Tuấn An	Phó TGĐ	126,000,000	216,000,000
Đặng Hải Chung	Phó TGĐ	90,000,000	-
Hoàng Thị Thu Hiền	Phó TGĐ	216,000,000	72,000,000
Lê Thị Thu Hiền	Kế toán trưởng	70,000,000	-
Nguyễn Việt Cường	Kế toán trưởng	50,000,000	90,000,000

(*) Ngoài các khoản thù lao và lương cơ bản, thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc có thể được hưởng các khoản phụ cấp và thưởng khác (nếu có) phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của ABS hoặc/và quy định nội bộ của ABS trong từng thời kỳ.

45 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.






Nguyễn Thị Tâm
 Người lập


Lê Thị Thu Hiền
 Kế toán trưởng


Nhân Hà Hải
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2022



CHỨNG KHOÁN AN BÌNH

 | Địa chỉ: Tầng 16, tòa nhà GELEXIMCO,
36 Hoàng Cầu, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

 | 024 3562 4626

 | www.abs.vn